

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**MỘT CƠN GIẬN**

Thạch Lam

[...] Cũng một buổi chiều mùa đông như hôm nay, tôi ở tòa báo ra về, trong lòng chán nản và buồn bực. Có những ngày mà tự nhiên không hiểu tại sao, ta thấy khó chịu, và hay gắt gỏng, không muốn làm việc gì. Tôi đang ở vào một ngày như thế mà chiều trời hôm ấy lại ảm đạm và rét mướt càng khiến cho cảm giác đó rõ rệt hơn.

Tôi đi vài bước trên con đường phố vắng người. Một cái xe tay dăng xa đi lại, anh phu xe co ro vì rét, hai tay giấu dưới manh áo tôi tàn. Theo lệ như mọi khi, tôi mặc cả:

- Xe đi không? Bốn xu về gần nhà bà Yên Phụ.

- Thầy cho sáu xu.

- Không, bốn xu là đúng giá rồi [...]

tôi lại càng ghét và quay lại gắt:

- Có đi hay không thì thôi! Đừng có theo sau người ta mà lải nhải.

Thấy tôi gắt, người phu xe đứng lại, không dám theo nữa. Nhưng để tôi đi một quãng xa, anh ta ới gọi:

- Lại đây đi mà.

Rồi anh ta hạ càng xe xuống, cứ đứng yên chỗ ấy đợi chứ không kéo lại phía tôi. Cái cử chỉ ấy làm tôi sinh ghét thêm, đã toan không đi, nhưng lúc ấy không có cái xe nào khác. Tôi giận dữ bước mạnh lên xe, vừa mắng:

- Anh thật là lảm chuyện, không đi ngay lại còn vẽ.

Anh xe cãi lại:

- Từ đây về đây thầy cho được bốn đồng xu thật rẻ quá!

- Thì ai bảo anh đi? Không có tôi đã gọi xe khác.

Người phu xe khẽ thở dài, yên lặng nhấc xe lên. Lúc bấy giờ tôi mới ngả mình ra phía sau, nhưng thấy cái đệm cứng như gỗ đập vào lưng, tôi cúi xuống bên nhìn cái tay xe... Sự tồi tàn của cái xe làm tôi càng ghét anh xe nữa.

- Xe khổ thế này mà anh lại còn đòi cao giá.

- Xe thế mà thầy chê thì còn thế nào nữa!

Anh xe búmg bình cũng không chịu kém. Tôi nói câu gì là anh ta đối lại liền. Sau cùng, giận quá, tôi dẫm mạnh chân xuống sàn xe, gắt:

- Thôi, cầm họng đi, đừng lải nhải nữa.

Sự giận dữ làm cho tôi quên rằng anh xe cũng chỉ có trả lời những câu mắng của tôi mà thôi, và chính tại tôi gắt với anh ta nhiều quá. Nhưng lúc bấy giờ tôi chỉ thấy tức người xe ấy đến cực điểm, vì hấn dám cãi lại tôi mà không sợ.

Xe đi khỏi nhà máy nước thì gặp một người đội xếp tây đi xe đạp lại, theo sau một người đội xếp ta. Tôi nhận thấy anh xe kéo tôi có ý luống cuống và sợ hãi. Có lẽ vì thế mà người cảnh sát để ý, đi giáp vào cái xe kéo để xem dấu hiệu.

- Ê! Đứng lại!

Người kéo xe dừng chân... Anh ta quay lại tôi hốt hải van xin:

- Lạy thầy... thầy nói giúp con... thầy làm ơn...

Dưới ánh đèn tôi thấy mặt anh xe tái mét. Những vết răn in sâu xuống trên mặt già nua hốc hác, chân tay người khốn nạn ấy run bật lên và tôi thấy cái rung động chuyển cả vào chiếc thân xe. Người cảnh sát tây đến, nói bằng tiếng ta hơi sôi:

- Mày chết nhé! Mày sẽ bị phạt!

Người phu xe ập ứng nói thì ông ta khoát tay bảo im, rồi quay lại tôi hỏi, lần này bằng tiếng Pháp.

- Người này kéo ông từ trong phố ra hay ông đi khứ hồi?

Tôi liếc mắt nhìn anh kéo xe. Trong bóng tối của vành nón qua ngang mặt, tôi thấy hai mắt anh ta long lanh nhìn tôi, như khẩn cầu van xin yên lặng. Tôi biết lời nói của tôi sẽ làm anh ta bị bắt hay không. Những khi nói chuyện với các phu xe khác, tôi được biết rằng nếu người khách nói là đi khứ hồi từ ngoại ô, thì người xe không việc gì. Nhưng lúc ấy, lời van xin của anh xe kia không làm cho tôi động lòng, mà lại làm cho tôi ghét anh thêm. Tôi trả lời người đội xếp:

- Tôi đi từ phố hàng Bún.
- Vậy phiên ông xuống xe.

Rồi anh ta nhìn anh phu xe, cười một cách tinh quái:

- Allez! Đi về bót!

Khi anh phu xe run sợ và hai người cảnh sát đã khuất đầu phố, tôi mới quay đi thông thả trên bờ hè. Con giận của tôi đã hết rồi. Sự hối hận dần thấm thía vào lòng tôi, tôi thấy một cái chán nản bức tức rung động trong người.

Tôi rùng mình nghĩ đến số phận của anh xe khốn nạn. Ba đồng bạc phạt! Anh ta phải vay cái xe để nộp phạt; nhưng ba đồng bạc nợ ấy, bao giờ anh ta trả xong, sau những ngày nhịn đói, bị cái xe hành hạ, đánh đập vì thù hằn?

Những ngày hôm sau thực là những ngày khổ cho tôi. Lòng hối hận không để tôi yên. Hình như có một cái gì nặng nề đè nén trên ngực làm cho tôi khó thở, và lúc nào hình ảnh anh phu xe cũng hiển hiện ra trước mắt. Tôi nhất định đem tiền đến cho người xe kia để chuộc tội lỗi của mình...

Lần ấy là lần đầu tôi bước vào một chỗ nghèo nàn, khổ sở như thế. Trong cái hang tối tăm bẩn thỉu ấy, sống một đời khốn nạn những người gầy gò, rách rưới như những người trong một con mê.

Người phu xe Dư ở trong ấy. Một bà cụ già gầy gò xương ngồi cấn chấy ở vệ hè chỉ cho tôi một cái cửa thấp bé ở đầu nhà. Tôi cúi mình bước vào, chỉ thấy tối như bưng lầy mắt và thấy hơi ẩm lạnh thấm vào tận trong mình. Có tiếng người đàn bà khẽ hỏi:

- Bẩm thầy muốn gì?

Khi mắt mắt đã quen tối, tôi nhận thấy người đàn bà vừa hỏi, một bà già ở mép một chiếc giường tre mục nát kê ở sát tường. Sau lưng bà này, một người đàn bà nữa ngồi ôm trong lòng một vật gì hơi động đậy. Cả hai cùng ngước mắt lên nhìn tôi một cách ngạc nhiên và đầu họ chạm vào mái nhà thấp, đầy những mảng giẻ rách nát vất trên xà.

- Bác Dư có nhà không?

- Bẩm, chú nó đi về quê vắng từ hôm nọ.

Một vẻ sợ hãi thoáng qua trên mặt dù tỏ cho tôi biết họ không nói thật, tôi giảng giải:

- Không, cụ cứ nói thật cho tôi biết. Tôi đến để giúp bác ta chứ không có ý gì khác.

Bà cụ nhìn tôi nghĩ ngợi một lát rồi nói:

- Thế thầy đã biết việc chú nó bị bắt xe hôm nọ?

Tôi gật đầu ra hiệu cho bà cụ cứ nói:

- Hôm ấy cai nó phải đem tiền lên nộp phạt để chuộc xe về. Chú nó đã xin khát với cai để rồi trả dần số tiền đó. Nhưng nó nhất định không nghe, bắt phải trả một nửa ngay. Khốn nạn, thì lấy đâu ra mà trả. Thế là bị nó lột quần áo đánh một trận thừa sống thiếu chết thầy ạ. Khi về đây lê đi không được nữa. Thế mà nó còn bắt mai phải trả ngay.

Người đàn bà ngồi trong cát tiếng ồm yếu nói theo:

- Nó còn bảo hễ không trả nó sẽ bắt lấy thế.

- Thế bây giờ bác ta đâu?

Bà cụ trả lời:

- Đi ngay từ hôm ấy, mà không biết đi đâu. Đã ba hôm nay chúng tôi dò mà không thấy. Chắc là sợ cai không dám về nữa, dù có về mà không có tiền cũng chết với nó. Thật cũng là cái vạ, nghe đâu chú nó nói hôm ấy tại người khách đi xe không biết nói với người đội xếp thế nào mới bị bắt, chứ không cũng chẳng việc gì.

Bà cụ chép miệng, chỉ người đàn bà ngồi sau:

- Tôi cho vợ con chú đây, ốm đã mấy ngày hôm nay không có thuốc. Đứa cháu không biết có qua khỏi được không?

Tôi đứng lại gần xem. Trên cánh tay người mẹ, chỉ còn là một dúm thịt con đã nhăn nheo: đứa bé há hốc miệng thở ra, mặt xám nhợt. Người mẹ thỉnh thoảng lấy cái lông gà dúng vào chén mật ong để bên cạnh, phết lên lưỡi của đứa bé.

- Cháu nó sai đã hơn một tháng nay. Hôm nọ đã đỡ. Mấy hôm nay vì không có tiền mua thuốc lại tăng. Ông lang bảo cháu khó qua khỏi được.

Người mẹ nói xong nấc lên một tiếng rồi nức nở khóc. Bà cụ già lê nhích lại gần, cúi xuống khe khẽ kéo lại những cái tã rách như xơ mướp.

Cái cảnh đau thương ấy làm tôi rom rớm nước mắt. Một cảm giác ghen ngào đưa lên chẹn lấy cổ. Tôi lấy tờ giấy bạc năm đồng đưa cho người mẹ, rồi vội vàng bước ra cửa, để mặc hai người nhìn theo ngơ vác [...].

Ra đến bên đường, tôi nghe thấy trong căn nhà lụp xụp đưa ra tiếng khóc của hai người đàn bà... Đứa bé con đã chết.

(Nguồn: Tuyển tập Thạch Lam, NXB văn học, 2018)

Câu 1. Dòng nào nói lên đặc điểm thể loại của văn bản *Một con giận* của Thạch Lam?

- A. Truyện dài, nhiều nhân vật, viết về cuộc đời, số phận nhân vật.
- B. Truyện ngắn, viết về một quãng đời/ một lát cắt trong cuộc đời của nhân vật.
- C. Truyện ngắn, viết về số phận nhân vật.
- D. Trích đoạn tiểu thuyết, phản ánh hiện thực rộng lớn, nhiều nhân vật.

Câu 2. Dòng nào nói lên đề tài của văn bản *Một con giận*?

- A. Nông thôn
- B. Tâm lí
- C. Thành thị
- D. Kỹ năng ứng xử

Câu 3. Dòng nào nói lên cảm hứng chủ đạo của văn bản *Một con giận*?

- A. Lên án kẻ vô tâm, tàn nhẫn; xót thương kiếp nghèo khổ.
- B. Phê phán sự nhẫn tâm; xót thương kiếp người nghèo khổ.
- C. Trân trọng sự hồi lỗi; xót thương kiếp nghèo khổ.
- D. Mỉa mai những kẻ lảm nhảm; xót thương kiếp người nghèo khổ.

Câu 4. Suy nghĩ của nhân vật “tôi” ở dòng sau diễn ra vào thời điểm nào? Nó có tác dụng gì trong khắc họa nhân vật?

“Sự giận dữ làm cho tôi quên rằng anh xe cũng chỉ có trả lời với những câu mắng của tôi mà thôi, và chính tại tôi gắt với anh ta nhiều quá.”

- A. Sau khi người kéo xe bị đội xếp tây phạt; thể hiện sự hối hận của “tôi”.
- B. Trước khi người kéo xe bị đội xếp tây phạt; thể hiện sự nhẫn tâm của “tôi”.
- C. Khi đội xếp Tây đang hỏi; thể hiện sự đấu tranh trong nội tâm của “tôi”.
- D. Khi người kéo xe đang van xin; thể hiện sự đặc ý của “tôi”.

Câu 5. Khi nào, nhân vật “tôi” hối hận về ứng xử của mình?

- A. Con giận đã hết rồi
- B. Thấy anh phu xe run sợ
- C. Thấy ba đồng bạc phạt quá lớn
- D. Thấy hình ảnh anh phu xe hiện hiện trước mắt

Câu 6. Con giận của nhân vật “tôi” đã gây ra hậu quả như thế nào?

- A. Người phu xe mất việc, phải đi trốn
- B. Đứa bé chết vì bỏ nó mất việc, không có tiền mua thuốc
- C. Nhân vật tôi sống trong sự giày vò
- D. Nhân vật tôi mất oan một khoản tiền

Câu 7. Tác giả miêu tả những người khốn khổ ở cùng nơi với người phu xe Dư nhằm mục đích gì?

- A. Tô đậm sự hối hận của nhân vật “tôi”, của đội xếp tây.
- B. Tô đậm sự khốn khổ của người phu xe, sự tàn nhẫn của “tôi”
- C. Tố cáo xã hội cũ chứa đầy những bất công
- D. Chứng tỏ “tôi” đã bỏ nhiều công chuộc lỗi

Câu 8. Dòng nào nói lên nghệ thuật kể chuyện văn bản *Một con giận*?

- A. Người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri)
- B. Kết hợp hai ngôi kể (2 câu chuyện lồng trong nhau)
- C. Người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri)
- D. Chủ thể trần thuật ngôi thứ ba theo điểm nhìn phức hợp

Câu 9 (1,0 điểm) Văn bản đã gửi đến người đọc tư tưởng, thông điệp nào? Hình thức nghệ thuật nào của văn bản chuyển tải điều đó?

Câu 10 (1,0 điểm) Em rút ra được kinh nghiệm gì trong việc giải tỏa cơn giận của bản thân? Theo em, nhân vật “tôi” cần làm gì để giảm tội lỗi của mình?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Chọn một trong những vấn đề trong các ô chữ sau và viết bài văn nghị luận về tác phẩm văn học *Một con giận* của Thạch Lam.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	B. Truyện ngắn, viết về một quãng đời/ một lát cắt trong cuộc đời của	0,5 điểm

	nhân vật.	
Câu 2	C. Thành thị	0,5 điểm
Câu 3	B. Phê phán sự nhẫn tâm; xót thương kiếp người nghèo khổ.	0,5 điểm
Câu 4	B. Trước khi người kéo xe bị đội xếp tây phạt; thể hiện sự nhẫn tâm của “tôi”.	0,5 điểm
Câu 5	A. Con giận đã hết rồi	0,5 điểm
Câu 6	B. Đứa bé chết vì bố nó mất việc, không có tiền mua thuốc	0,5 điểm
Câu 7	B. Tô đậm sự khốn khổ của người phu xe, sự tàn nhẫn của “tôi”	0,5 điểm
Câu 8	C. Người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri)	0,5 điểm
Câu 9	<ul style="list-style-type: none"> - HS tự đúc rút từ nhận thức của bản thân - Tham khảo gợi ý: + Tư tưởng nhân văn: xót thương người nghèo khổ; phê phán ứng xử nhẫn tâm... + Thông điệp: thận trọng trong ứng xử; sống rộng lượng nhân ái hơn; không phải lỗi lầm nào cũng có thể sửa chữa được; là con người cần biết chịu trách nhiệm với lỗi lầm của bản thân. + Hình thức nghệ thuật: suy nghĩ của nhân vật “tôi”; lời thoại của 2 người phụ nữ. 	1,0 điểm
Câu 10	<ul style="list-style-type: none"> - Vế 1: HS tự làm theo nhận thức cá nhân. - Vế 2: HS đề xuất phương án cụ thể (phương án thể hiện tấm lòng và tầm nhìn). - Tham khảo gợi ý: Tìm gặp anh phu xe và xin lỗi; giúp đỡ anh phu xe, vợ anh ta: cố kè sinh nhau ổn định hơn. 	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Đảm bảo cấu trúc ba phần: Mở - Thân - Kết.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Chọn một trong những vấn đề trong văn bản và viết bài văn nghị luận về tác phẩm văn học <i>Một con giận</i> của Thạch Lam.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: Mở bài: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu luận đề, vai trò của luận đề với tác phẩm. Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt tác phẩm (ngắn gọn) - Hệ thống luận điểm làm sáng tỏ luận đề + Luận điểm 1 (lí lẽ + dẫn chứng) + Luận điểm 2 (lí lẽ + dẫn chứng) Lưu ý: HS có thể chọn một vấn đề cụ thể có thể nghị luận về toàn tác phẩm (gồm: nội dung, nghệ thuật, thông điệp,...) Kết bài: Tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm,	3,0 điểm

	cách nhìn và đánh giá của cá nhân về con người, cuộc sống.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng.	

ĐỀ 2
ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026-2027
MÔN: NGỮ 11
Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**BỤI QUÝ**

K.G. Paustovsky

(1) [...] “Gỗ kiến” là biệt hiệu mà hàng xóm láng giềng đặt cho Samet, ta phải hình dung anh là một người gầy gò, mũi nhọn và dưới vành mũ bao giờ cũng lủng lẳng một mớ tóc giống như mào chim.

Trước kia, Samet đăng lính trong quân đội của “Tiểu Napolêông” trong thời gian chiến tranh ở Mêhicô. Anh bị sốt rét nặng ở Vera-Krux, liền được gửi về nước. Viên chỉ huy trung đoàn nhân dịp bèn nhờ Samet đưa đứa con gái lên tám của ông tên là Xuyzan về Pháp. Viên chỉ huy góa vợ, vì thế đi đâu ông cũng phải đeo bông con gái theo. Nhưng lần này ông quyết định tạm xa con và gửi nó về cho người chị ở Ruăng, bởi ở đây thiếu gì những nguy hiểm bất ngờ.

Trên đường Samet về Pháp khí nóng bốc ngùn ngụt trên Đại Tây Dương. Con bé suốt ngày im lặng. Thậm chí nhìn những con cá bay vọt lên khỏi mặt nước, bóng nhảy, nó cũng chẳng mỉm cười. Samet hết sức chăm sóc Xuyzan [...]. Càng ngày anh càng hay bắt gặp cái nhìn bắn khoăn của con bé. Cuối cùng anh đánh liều kể cho nó nghe về cuộc đời mình, anh ngạc nhiên thấy con bé nghe một cách háo hức và thậm chí còn bắt anh kể đi kể lại, đòi biết thêm những tình tiết mới... Anh kể về một bông hồng bằng vàng... bông hồng sáng lấp lánh như thế nào, mặc dù bên ngoài cửa sổ không có nắng và con bão buồn thảm đang gầm gào ngoài eo biển: Bà lão trong thôn có một bông hồng vàng, mọi người đều ngạc nhiên thấy bà lão dân chài không chịu bán vật quý của mình đi. Bán nó đi bà có thể thu được cả đồng tiền. Chỉ một mình mẹ Samet biết rằng bán bông hồng ấy đi là có tội, bởi vì đó là quà chúc phúc của người tình bà lão tặng bà, khi bà còn là một cô gái tươi hơn hẳn làm ở nhà máy đóng hộp cá Xácđin ở tỉnh Ôđécơ.

Trên thế gian này hiếm ai có được những bông hồng vàng, - mẹ Samet nói. - Nhà nào có nó, nhà ấy sẽ được hạnh phúc. Mà không riêng gì họ, ai đụng tới bông hồng đó, người ấy cũng sẽ được hạnh phúc. Thằng bé Samet sốt ruột đợi mãi ngày bà lão dân chài được hưởng hạnh phúc. Nhưng đến cả bóng dáng của hạnh phúc cũng chẳng thấy đâu. Thế rồi Samet bỏ làng ra đi, không đợi được đến ngày cuộc đời bà lão thay đổi. Mãi một năm sau, một người quen làm thợ đốt lò trên con tàu chở thư ở Lor Havơ mới kể cho anh nghe rằng con trai bà lão bất thành linh từ Pari trở về, anh chàng họa sĩ đó râu xồm, vui nhộn và có tính khí kỳ quặc. Từ ngày ấy người ta không còn nhận ra túp lều kia nữa. Nó trở nên ồn ào và dư dật. Người ta kháo nhau rằng bọn họa sĩ vẽ lãng nhãng cũng kiếm được ổi tiền.

Một hôm, ngồi trên boong tàu, Samet đang dùng chiếc lược sắt của mình chải mớ tóc rối tung trước gió cho Xuyzan thì con bé hỏi anh:

- Anh Giảng ơi, rồi cũng có người cho em một bông hồng vàng chứ?

- Rất có thể, - Samet trả lời. - Rồi cũng sẽ có một thằng dờ hơi nào đó cho em, Xuyzan ạ! [...]

Trước đó Samet đã nghe nhiều chuyện bịa đặt của lính tráng, nhưng riêng anh, anh chưa từng bịa chuyện bao giờ. Không phải anh không biết tưởng tượng, chẳng qua anh chưa bao giờ thấy cần phải làm như vậy. Còn giờ đây anh coi việc làm vui cho Xuyzan là một bổn phận thiêng liêng.

Samet đưa Xuyzan đến Ruăng và trao tận tay cho bác gái nó – một người đàn bà cao lớn, có đôi môi tái nhợt và mím chặt. Bà ta đeo hạt cườm đen khắp mình trông như một con rắn ở rạp xiếc. Con bé vừa trông thấy bà bác đã vội bám chặt lấy Samet và nép vào cái áo ca pôt bạc phếch của anh.

- Không sao! - Samet thì thầm và khẽ đẩy vào vai Xuyzan. - Bọn lính tráng bọn anh cũng chẳng được lựa chọn cho mình các ông đại đội trưởng đâu. Chịu khó vậy, Xuzi, cô lính ạ!

(2) Samet bỏ đi. Trong túi dệt Samet còn giữ lại kỷ niệm của Xuyzan: một cái nơ buộc tóc đã nhàu nát màu xanh. Có trời mới biết vì sao cái băng đó lại thơm dịu đến thế, như thể nó được cất giữ trong một giàn hoa

tím. Năm tháng qua đi trong cảnh thiếu thốn đơn điệu. Samet nếm trải hết nghề cực nhọc này đến nghề khôn khổ khác và cuối cùng anh trở thành người quét rác thành Pari...

Ngày lại ngày quện lấy nhau trong một màu vàng đục. Nhưng đôi khi trong cái màu vàng đục ấy, Samet lại thấy dấy lên trong lòng mình một áng mây hồng: Đó là bộ áo dài cũ của Xuyzan. Từ tấm áo ấy phảng phất hương xuân tươi mát như thể người ta cũng cất nó trong giàn hoa tím.

Xuyzan giờ ở đâu? Em sống ra sao?... Đã nhiều lần Samet định đi Ruăng thăm Xuyzan. Nhưng anh cứ lần lữa mãi cho đến lúc chợt hiểu rằng mình đã bỏ lỡ thời gian và chắc chắn Xuyzan đã quên hẳn anh rồi. Anh tự mắng mình là đồ bị thịt, khi nhớ đến cuộc chia tay với Xuyzan. Đáng lẽ phải hôn cô bé thì anh lại ấn vào lưng nó, đẩy nó tới chỗ con quạ già nọ và bảo: “Chịu khó vậy, Xuzi, cô lính ạ!” [...]

(3) Một hôm, cũng vào một buổi bình minh mờ mịt hơi sương như thế, Samet đi trên cầu Phế Binh bắc ngang sông Xen và gặp một thiếu phụ mặc áo dài màu tím nhạt, đính đăng ten đen. Thiếu phụ đứng trên thành cầu và nhìn xuống dòng sông.

Samet dừng lại, cất bỏ chiếc mũ bụi bặm và nói:

- Thừa tiểu thư, nước sông Xen lúc này lạnh lắm. Tiểu thư nên để tôi đưa về nhà thì hơn
- Giờ đây tôi cũng chẳng có nhà. Thiếu phụ trả lời rất nhanh và quay về phía Samet.

Samet để rơi chiếc mũ.

- Xuzi! - Anh kêu lên bằng một giọng tuyệt vọng và sung sướng đến cực độ, - Cô lính Xuzi! Cô bé của anh! Thế là cuối cùng anh cũng đã gặp em. Chắc là em quên anh rồi. Anh là Giảng Ecnet Samet đây, cái anh binh nhì ở Trung đoàn Thuộc địa số Hai Mươi Bảy đã đưa em về cho mẹ bác gái tởm lợm ở Ruăng đây. Em bây giờ xinh quá đi thôi! Tóc em chải mới khéo nữa chứ! Còn anh, cái thằng lính quèn này thì chẳng biết xoay xở với mái tóc em thế nào.

- Giảng! - Thiếu phụ kêu lên, đâm bổ tới ôm lấy cổ anh và khóc, - Giảng, anh vẫn tốt như xưa. Em còn nhớ hết mà!

- Ô, rõ vớ vẩn! - Samet lầu bầu trong miệng. - Lòng tốt của anh thì lợi lộc gì cho ai. Có chuyện gì đã xảy ra với em vậy, em gái bé nhỏ của anh?

Samet kéo Xuyzan lại gần mình và làm cái việc anh không dám làm trước kia ở Ruăng: Vuốt ve và hôn lên mái tóc óng ả của nàng. Rồi anh vội lánh ra, sợ Xuyzan ngửi thấy mùi chuột cống trên áo ngoài của anh. Nhưng Xuyzan lại càng nép chặt vào vai anh hơn.

- Có chuyện gì vậy, em bé nhỏ của anh? - Samet bối rối nhắc lại.

Xuyzan không trả lời. Nàng không nén được tiếng nức nở. Samet hiểu rằng lúc này chưa nên hỏi nàng chuyện gì hết.

- Anh có một cái hang chỗ tường thành - Samet vội vã nói - Hơi xa đây một chút. Tất nhiên ở nhà chẳng có gì hết, nhẵn như chùi. Nhưng được cái có thể hâm nước cho nóng và nằm ngủ trên giường. Ở đó em có thể tắm tấp và nghỉ ngơi. Và nói chung em muốn ở bao lâu tùy thích.

Xuyzan ở nhà Samet năm ngày. Năm ngày ấy, một mặt trời kỳ lạ cất lên trên thành Paris. Hết thấy mọi ngôi nhà, kể cả những nhà cũ kỹ nhất, ám khói, tất cả những khu vườn, thậm chí cả cái hang của Samet nữa đều rực rỡ trong những tia sáng của vùng thái dương ấy, như là những báu vật.

Ai chưa từng được xúc động với hơi thở nhẹ nhàng của thiếu nữ trong giấc ngủ, người đó chưa thể hiểu thế nào là dịu dàng. Môi nàng tươi hơn cả những cánh hoa ẩm ướt và đôi hàng mi nàng lấp lánh những giọt lệ đêm.

Phải, những gì đã xảy ra với Xuyzan quả đúng như Samet dự đoán. Người tình của nàng - một diễn viên trẻ - đã phụ nàng. Nhưng năm ngày Xuyzan sống bên Samet đã đủ để cặp tình nhân làm lành với nhau [...].

Khi đôi bạn trẻ lên đường, Xuyzan vội vã nhảy lên xe, nàng quên cả từ biệt Samet. Liên đó nàng sức nhớ ra, đỏ mặt và ngượng ngùng đưa tay cho anh.

- Em đã chọn lấy cuộc sống theo ý em, anh chỉ còn biết chúc em hạnh phúc. - Cuối cùng Samet mới lầu bầu nói.

- Em chưa biết rồi sẽ ra sao? - Xuyzan trả lời và mắt nàng ngấn lệ.

- Em băn khoăn như vậy thực là vô ích, em bé nhỏ của anh ạ! - Anh chàng diễn viên trẻ dài giọng và nhắc lại.

- Em bé xinh đẹp của anh.

- Giá có ai đó tặng cho em một bông hồng vàng! - Xuyzan thở dài. - Cái đó chắc chắn sẽ mang lại cho em hạnh phúc. Em vẫn nhớ câu chuyện anh kể trên tàu, anh Giảng ạ!

- Biết đâu đấy! - Samet trả lời. - Nhưng dù sao thì người sẽ mang bông hồng vàng đến cho em cũng chẳng phải là cái anh chàng quý phái này đâu.

(4) Sau lần gặp Suzanne, anh thôi không đổ bụi quét ở những hiệu kim hoàn đi nữa. Anh giấu giếm bỏ chúng vào một cái túi rồi vác về lều. Xóm giềng cho rằng anh chàng quét rác nọ đã “lẩn nhẩn”. Hiếm người biết rằng trong bụi đó có chứa bột vàng, bởi vì những người thợ kim hoàn khi làm việc thế nào cũng làm hao đi chút xíu kim loại quý đó. Samet quyết định sẽ sàng bụi lấy vàng, đúc thành một thỏi nhỏ và dùng nó đánh một

bông hồng vàng mang lại hạnh phúc cho Xuyzan. Mà rất có thể, như mẹ anh đã nói, nó còn mang lại hạnh phúc cho nhiều người khác nữa. Biết đâu đây! Anh quyết không gặp lại Xuyzan khi bông hồng chưa được làm xong.

[...] Samet làm một cái quạt gió nhỏ nhỏ và êm êm, ở sân nhà, anh quạt bụi lấy được trong các hiệu kim hoàn. Anh hồi hộp mai cho đến lúc trông thấy lơ mờ một lớp bụi vàng lấp lánh trên ngăn gỗ. Đến lúc có đủ bụi vàng để đánh thành thời thì đã mất nhiều thời gian lắm. Nhưng Samet chưa đưa cho người thợ kim hoàn đánh bông hồng vội. Không phải Samet thiếu tiền thuê thợ. Bất cứ người thợ kim hoàn nào cũng bằng lòng đánh bông hồng để lấy tiền công bằng một phần ba thời vàng và như thế họ cũng đã hài lòng lắm rồi. Nguyên do là ở chỗ khác. Mỗi ngày qua, giờ gặp gỡ với Suzanne càng gần lại. Nhưng không biết từ lúc nào, Samet bắt đầu sợ cái giờ ấy. Tất cả tình cảm triu mến từ lâu được giữ kín trong lòng [...].

Cuối cùng, khi đã đánh xong bông hồng, Samet mới biết Xuyzan đã rời Pari đi Mỹ từ một năm trước, và theo người ta nói, nàng đi hẳn, không về nữa. Không ai có thể cho Samet biết địa chỉ của nàng. Thoạt đầu, Samet thậm chí còn thấy nhẹ hẫng người. Nhưng rồi tất cả sự chờ đợi cuộc gặp gỡ đậm ấm và thanh thản với Xuyzan, không hiểu sao, đã biến thành một mảnh sắt gỉ. Mảnh sắt nhọn ấy mắc trong lồng ngực anh, ngay ở bên tim và Samet cầu trời cho nó mau mau đâm thẳng vào trái tim ốm yếu ấy đi, cho tim anh vĩnh viễn ngừng đập.

Samet bỏ việc quét dọn trong các xưởng kim hoàn. Anh nằm trong túp lều của mình mấy ngày liền, quay mặt vào tường... Chỉ có một người chăm sóc Samet. Đó là người thợ bạc đứng tuổi đã đánh từ thời vàng ra một bông hồng rất tinh xảo. Cùng trên một cành, bên cạnh bông hoa, người thợ bạc đánh thêm một nụ hồng bé nhỏ và nhọn... Thực thế, Samet đã lặng lẽ qua đời... Ông thợ bạc, ông ta nâng đầu anh thợ quét rác lên, lấy ở dưới cái gối xám ra bông hồng vàng bọc trong chiếc nơ nhàu nát màu xanh... Lúc đó vào cuối thu. Màn đêm rung động vì gió và vì những đốm lửa nhấp nháy. Người thợ bạc nhớ đến nét đổi thay trên mặt Samet sau khi anh chết. Bộ mặt trở nên nghiêm nghị và trầm tĩnh. Ông ta thấy niềm cay đắng hiện trên mặt anh còn tuyệt đẹp nữa là khác. “Cuộc sống không cho người ta cái gì thì cái chết lại đem cho người ta cái ấy”.

(5) Ít lâu sau, người thợ bạc đem bông hồng vàng nọ bán cho một nhà văn đã có tuổi ăn mặc lôi thôi lóc thóc, và theo nhận xét của bác thợ, nhà văn này cũng chẳng giàu có gì cho lắm để có thể cho phép mình mua một vật đắt đến như thế. Hẳn câu chuyện về bông hồng vàng do người thợ bạc kể lại cho nhà văn đã đóng vai trò quyết định trong việc mua bán nọ.

Chúng ta phải mang ơn nhà văn già, nhờ những ghi chép của ông mà sau này mới có người biết được câu chuyện cay đắng trong đời người cựu binh trung đoàn thuộc địa thứ Hai Mươi Bảy là Jean Samet.

Trong những ghi chép của ông, nhà văn viết:

“Mỗi phút, mỗi lời tình cờ được nói ra và mỗi cái nhìn vô tình ta bắt gặp, mỗi ý nghĩ sâu sắc hoặc vui đùa, mỗi rung động thầm lặng của con tim, cũng như cả đến một bông xấp của hoa hướng dương đang bay hay lửa sao trong một vũng nước đêm – tất cả những cái đó đều là những hạt rất nhỏ của bụi vàng. Chúng ta, những nhà văn, chúng ta bòn đãi chúng trong hàng chục năm, hàng triệu những hạt cát đó, lặng lẽ thu góp lại cho mình, biến chúng thành một hợp kim rồi từ hợp kim đó ta đánh “Bông Hồng Vàng” của ta – truyện, tiểu thuyết hay là thơ”.

Bông hồng vàng của Samet!

Đối với tôi có phần nào là hình tượng tương lai của hoạt động sáng tạo của chúng ta. Thật là lạ lùng khi chẳng có ai chịu bỏ sức lao động của mình ra nghiên cứu xem từ những hạt bụi quý ấy đã phát sinh ra nguồn văn học sinh động như thế nào.

Nhưng cũng giống như bông hồng vàng của người thợ quét rác già kia làm ra là để cho Xuyzan được hạnh phúc, sáng tác của chúng ta là để cho cái đẹp của trái đất, cho lời kêu gọi đấu tranh vì hạnh phúc, vì niềm vui và tự do, cho cái cao rộng của tâm hồn và sức mạnh của trí tuệ chiến thắng bóng tối cho chúng ta rực rỡ như một mặt trời không bao giờ tắt.

(KG Paustovsky, *Bông Hồng Vàng Và Bình Minh Mưa*. NXB Văn học 2009)

Câu 1. Dòng nào nói lên đặc điểm thể loại của văn bản *Bụi quý*?

- A. Truyện dài, nhiều nhân vật, viết về cuộc đời, số phận nhân vật.
- B. Truyện ngắn, viết về một quãng đời mà gợi cả cuộc đời của nhân vật.
- C. Truyện ngắn, viết về số phận nhân vật.
- D. Trích đoạn tiểu thuyết, phản ánh hiện thực rộng lớn, nhiều nhân vật.

Câu 2. Nhân vật chính của văn bản *Bụi quý* là:

- A. Nhà văn mua bông hồng vàng
- B. Jean Samet, Suzanne
- C. Người thợ bạc
- D. Jean Samet, người thợ bạc

Câu 3. Văn bản *Bụi quý* sử dụng chủ yếu những điểm nhìn trần thuật nào?

- A. Điểm nhìn thời gian, không gian
- B. Điểm nhìn bên trong, bên ngoài
- C. Điểm nhìn thời gian, điểm nhìn bên trong
- D. Điểm nhìn bên ngoài, từ người kể chuyện

Câu 4. Điều gì ở Xuyzan khiến Jean Samet phải bận lòng? Chứng tỏ Samet là người như thế nào?

- A. Cái nhìn băn khoăn của con bé... nghe một cách háo hức; người nhạy cảm nhân hậu.
- B. Những con cá bay vọt lên khỏi mặt nước, bóng nhảy, nó cũng chẳng mỉm cười; người tò mò.
- C. Câu hỏi: Anh Giăng ơi, rồi cũng có người cho em một bông hồng vàng chứ?; người giàu tình cảm.
- D. Con bé vừa trông thấy bà bác đã vội bám chặt lấy Samet và nép vào cái áo ca pôt bạc phéché của anh; người nhân hậu.

Câu 5. Vì sao Jean Samet muốn đánh bông hồng vàng?

- A. Suzanne luôn khao khát có bông hồng vàng
- B. Bông hồng vàng sẽ mang lại hạnh phúc cho Suzanne. Mà rất có thể, như mẹ anh đã nói, nó còn mang lại hạnh phúc cho nhiều người khác nữa.
- C. Samet biết người thợ bạc để rơi rớt chút xíu thứ kim loại quý đó.
- D. Tình cảm triu mến từ lâu được giữ kín trong lòng.

Câu 6. Dòng nào nói lên chủ đề của văn bản *Bụi quý*?

- A. Hết lòng vì người mình thương mến.
- B. Nhân hậu, giàu yêu thương.
- C. Khát vọng cháy bỏng về hạnh phúc.
- D. Sống chân thành với cảm xúc của lòng mình.

Câu 7. Dòng nào nói lên cách khắc họa nhân vật Jean Samet của Paustovsky?

- A. Chú ý khắc họa ngoại hình, hành động của nhân vật.
- B. Chú ý khắc họa cảm xúc của nhân vật.
- C. Chú ý khắc họa giằng xé nội tâm của nhân vật.
- D. Chú ý khắc họa những hồi cố ở nhân vật.

Câu 8. Dòng nào sau đây không phù hợp với văn bản *Bụi quý*?

- A. Phong cách lãng mạn cao thượng với bút pháp phóng khoáng và luôn tràn đầy lòng thương cảm, trân trọng những khát vọng cháy bỏng về hạnh phúc con người.
- B. Câu chuyện xúc động về một hạnh phúc không trọn vẹn nhưng lại thấp lên trong lòng mỗi chúng ta một khát vọng khôn nguôi về hạnh phúc.
- C. Muốn ngẫm ví công việc sáng tạo của mỗi nhà văn giống như quá trình chế tác một bông hồng vàng, phải lọc đi biết bao nhiêu cát bụi mới thành được một chút gì đẹp để dâng tặng cho đời.
- D. Nhà văn kêu gọi tình thương giữa người với người, để bài trừ cái xấu trong xã hội.

Câu 9 (1,0 điểm) Phân tích những dòng cảm xúc, kí ức đẹp trong tâm hồn Jean Samet và cho biết vai trò của chúng trong tác phẩm.

Câu 10 (1,0 điểm) Paustovsky nói về điều gì, về ai? Ông muốn gửi gắm điều gì tới người đọc trong đoạn cuối văn bản?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết văn bản nghị luận về tác phẩm văn học *Bụi quý* của Paustovsky.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	B. Truyện ngắn, viết về một quãng đời mà gọi cả cuộc đời của nhân vật.	0,5 điểm
Câu 2	B. Jean Samet, Suzanne	0,5 điểm
Câu 3	C. Điểm nhìn thời gian, điểm nhìn bên trong	0,5 điểm
Câu 4	A. Cái nhìn băn khoăn của con bé... nghe một cách háo hức; người nhạy cảm nhân hậu.	0,5 điểm
Câu 5	B. Bông hồng vàng sẽ mang lại hạnh phúc cho Suzanne. Mà rất có thể, như mẹ anh đã nói, nó còn mang lại hạnh phúc cho nhiều người khác nữa.	0,5 điểm

Câu 6	C. Khát vọng cháy bỏng về hạnh phúc.	0,5 điểm
Câu 7	B. Chú ý khắc họa cảm xúc của nhân vật.	0,5 điểm
Câu 8	D. Nhà văn kêu gọi tình thương giữa người với người, để bài trừ cái xấu trong xã hội.	0,5 điểm
Câu 9	<p>* Những dòng cảm xúc, kí ức đẹp trong tâm hồn Jean Samet:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Anh kể về một bông hồng bằng vàng... bông hồng sáng lấp lánh như thế nào, mặc dù bên ngoài cửa sổ không có nắng và cơn bão buồn thảm đang gầm gào ngoài eo biển. - Một cái nơ buộc tóc đã nhàu nát màu xanh. Có trời mới biết vì sao cái băng đó lại thơm dịu đến thế, như thể nó được cất giữ trong một giành hoa tím. - Samet lại thấy dấy lên trong lòng mình một áng mây hồng: Đó là bộ áo dài cũ của của Xuyzan. Từ tấm áo ấy phảng phất hương xuân tươi mát như thể người ta cũng cất nó trong giành hoa tím. <p>* Vai trò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khắc họa vẻ đẹp tâm hồn nhân vật Samet. - Thể hiện chủ đề của tác phẩm: cảm hứng lãng mạn, trân trọng những rung cảm đẹp, khát vọng hạnh phúc của con người. 	1,0 điểm
Câu 10	<ul style="list-style-type: none"> - Nói về những nghệ sĩ nghèo nhưng trân trọng cái đẹp, yêu cái đẹp say đắm. Họ sẵn sàng hy sinh một điều gì đó ở bản thân để bòn đãi những tinh túy ở hiện thực biến chúng thành một hợp kim tạo những giá trị bất tử cho đời. - Paustovsky qua thiên truyện ngày còn muốn ngầm ví công việc sáng tạo của mỗi nhà văn giống như quá trình chế tác một bông hồng vàng, phải lọc đi biết bao nhiêu cát bụi mới thành được một chút gì đẹp để dâng tặng cho đời. 	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Đảm bảo cấu trúc ba phần: Mở - Thân - Kết.</p>	0,25 điểm
	<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Chọn một trong những vấn đề trong văn bản và viết bài văn nghị luận về tác phẩm văn học <i>Bụi quý</i> của Paustovsky.</p>	0,25 điểm
	<p>c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: Mở bài: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu luận đề, vai trò của luận đề với tác phẩm. Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt tác phẩm (ngắn gọn) - Hệ thống luận điểm làm sáng tỏ luận đề + Luận điểm 1 (lí lẽ + dẫn chứng) + Luận điểm 2 (lí lẽ + dẫn chứng) Lưu ý: HS có thể chọn một vấn đề cụ thể có thể nghị luận về toàn tác phẩm (gồm: nội dung, nghệ thuật, thông điệp,...) Kết bài: Tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và đánh giá của cá nhân về con người, cuộc sống. </p>	3,0 điểm

	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng.	

ĐỀ 3

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026-2027
MÔN: NGỮ 11

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

XUÂN KHÔNG MÙA

Một ít nắng, vài ba sương mỏng thắm,
 Mấy cành xanh, năm bảy sắc yêu yêu
 Thế là xuân. Tôi không hỏi chi nhiều.
 Xuân đã sẵn trong lòng tôi lai láng.
 Xuân không chỉ ở mùa xuân ba tháng;
 Xuân là khi nắng rạng đến tình cờ,
 Chim trên cành há mỏ hót ra thơ;
 Xuân là lúc gió về không định trước.
 Đông đang lạnh bỗng một hôm trở ngược,
 Mây bay đi để hờ một khung trời
 Thế là xuân. Ngày chỉ ẩm hơi hơi,
 Như được nắm một bàn tay son trẻ...
 Xuân ở giữa mùa đông khi nắng hé;
 Giữa mùa hè khi trời biếc sau mưa;
 Giữa mùa thu khi gió sáng bay vừa
 Lùa thanh sắc ngẫu nhiên trong áo rộng.
 Nếu lá úa trên cành bàng không rụng,
 Mà hoa thừa ửng máu quá ngày thường;
 Nếu vườn nào cây nhãn bỗng ra hương,
 Là xuân đó. Tôi đợi chờ chi nữa?

*

Bình minh quá, mỗi khi tình lại hứa,
 Xuân ơi xuân vĩnh viễn giữa lòng ta
 Khi những em gặp gỡ giữa đường qua
 Ngừng mắt lại, để trao cười, bờ ngõ.
 Ấy là máu báo tin lòng sắp nở
 Thêm một phen, tuy đã mấy lần tàn.
 Ấy là hồn giăng rộng khắp không gian
 Để đánh lưới những duyên hờ mới mẻ?
 Ấy những cánh chuyển trong lòng nhẹ nhẹ
 Nghe xôn xao rộn rẹn đến hay hay...
 Ấy là thư hồi hộp đón trong tay;
 Ấy dư âm giọng nói đã lâu ngày
 Một sớm tim bỗng dịu dàng đồng vọng...
 Miễn trời sáng, mà lòng ta dọn sóng,
 Thế là xuân. Hà tất đủ chim, hoa?
 Kể chi mùa, thời tiết, với niên hoa,
 Tình không tuổi, và xuân không ngày tháng.

(Nguồn: Thơ Xuân Diệu. NXB Văn học 2019)

Câu 1. Dòng nào nói lên đề tài của văn bản *Xuân không mùa*?

A. Thiên nhiên

- B. Mùa xuân
C. Tình yêu
D. Vũ trụ

Câu 2. Nhân vật trữ tình của văn bản *Xuân không mùa* là người như thế nào?

- A. Là người yêu đời, yêu sự sống
B. Là người yêu thiên nhiên, mùa xuân
C. Là người băn khoăn đi tìm lẽ sống
D. Là người đang tìm định nghĩa về mùa xuân

Câu 3. Dòng nào nêu lên tứ thơ của văn bản *Xuân không mùa*?

- A. Xuân ở nắng – Xuân ở sương mỏng – Xuân ở cảnh xanh – lòng người
B. Xuân của đất trời – Xuân ở lòng người – Xuân không ngày tháng
C. Xuân ở chim hót – Xuân ở gió trở – Xuân ở mây bay
D. Xuân ở giữa đông – Xuân ở giữa hè – Xuân ở cây nhãn bông ra hương

Câu 4. Hai dòng thơ “*Bình minh quá, mỗi khi tình lại hứa/ Xuân ơi xuân vĩnh viễn giữa lòng ta*” diễn tả điều gì?

- A. Mùa xuân bắt tử trong lòng thi sĩ
B. Sự tương hợp kì diệu giữa vũ trụ và lòng người
C. Bình minh làm nên mùa xuân rạng ngời
D. Mùa xuân khởi xuất từ lòng người

Câu 5. Dòng nào nói lên những biện pháp tu từ được Xuân Diệu sử dụng ở *Xuân không mùa*?

- A. Nhân hóa, chơi chữ, đảo ngữ
B. Điệp từ, điệp cấu trúc câu, ẩn dụ
C. Đối lập, hoán dụ, nói quá, so sánh
D. Điệp cấu trúc câu, đối ngẫu

Câu 6. Xuân Diệu diễn tả những chuyển động tinh vi của đối tượng nào trong *Xuân không mùa*?

- A. Mùa xuân của đất trời
B. Mùa xuân của lòng người
C. Cảnh vật, vũ trụ, lòng người
D. Cảnh vật trong nắng hé, nắng rạng

Câu 7. Dòng thơ nào thể hiện tình yêu đời, yêu sự sống cháy bỏng, mãnh liệt của Xuân Diệu?

- A. Miền trời sáng, mà lòng ta dọn sóng
B. Thế là xuân. Hà tất đủ chim, hoa
C. Kể chi mùa, thời tiết với niên hoa
D. Tình không tuổi, và xuân không ngày tháng

Câu 8. Dòng nào không nói lên vai trò của những yếu tố tượng trưng trong *Xuân không mùa*?

- A. Tạo nên một thế giới nghệ thuật thơ độc đáo cuốn hút
B. Diễn tả niềm yêu đời say mê đến cuồng nhiệt của thi sĩ
C. Diễn tả tình yêu, sự ngưỡng mộ, ngợi ca con người lao động
D. Diễn tả sự tương hợp kì diệu giữa vũ trụ và lòng người

Câu 9 (1,0 điểm) Đất trời, vạn vật biến đổi như thế nào trong tâm hồn Xuân Diệu? Phân tích cảm xúc của chủ thể trữ tình trước giây phút huyền diệu ấy.

Câu 10 (1,0 điểm) Xuân không mùa của Xuân Diệu khởi xuất từ đâu? Tác giả đã gửi đến chúng ta quan niệm nhân sinh nào trong thi phẩm thơ độc đáo này?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết văn bản nghị luận về bài thơ *Xuân không mùa* của Xuân Diệu.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	B. Mùa xuân	0,5 điểm
Câu 2	A. Là người yêu đời, yêu sự sống	0,5 điểm
Câu 3	B. Xuân của đất trời – Xuân ở lòng người – Xuân không ngày tháng	0,5 điểm

Câu 4	B. Điệp từ, điệp cấu trúc câu, ẩn dụ	0,5 điểm
Câu 5	A. Nhân hóa, chơi chữ, đảo ngữ	0,5 điểm
Câu 6	C. Cảnh vật, vũ trụ, lòng người	0,5 điểm
Câu 7	D. Tình không tuổi, và xuân không ngày tháng	0,5 điểm
Câu 8	C. Diễn tả tình yêu, sự ngưỡng mộ, ngợi ca con người lao động	0,5 điểm
Câu 9	<p>* Đất trời, vạn vật biến đổi tinh vi, diệu kỳ</p> <p>- Xuân là khi nắng rạng đến tinh cờ, Chim trên cành há mỏ hót ra thơ; - Đông đang lạnh bỗng một hôm trở ngược, Mây bay đi để hờ một khung trời - Giữa mùa hè khi trời biếc sau mưa; Giữa mùa thu khi gió sáng bay vừa...</p> <p>→ Đất trời vạn vật biến đổi bất ngờ tinh vi, diệu kì: nắng rạng, chim hót ra thơ, hờ một khung trời, trời biếc sau mưa,... tất thấy đẹp hơn, rạng rỡ hơn... đem mùa xuân đến với lòng người.</p> <p>* Thi sĩ giao hòa, đắm say ngắm nhìn, ghi lại từng vì mạch của sự sống, những khoảnh khắc trở mình bất chợt của tạo vật... để hân hoan sống, đón nhận sức sống đang bùng lên trong màu nắng, làn gió, áng mây...</p>	1,0 điểm
Câu 10	<p>- <i>Xuân không mùa</i> của Xuân Diệu khởi xuất từ lòng yêu đời của con người.</p> <p>- Quan niệm nhân sinh: + Sống lạc quan, yêu đời, sống hết mình và giao hòa cùng vũ trụ, thiên nhiên để cảm nhận những biến chuyển của tín hiệu sống diệu kỳ. + Sống tích cực, lạc quan để cảm nhận mùa xuân lai láng trong đất trời vạn vật để có xuân không mùa, xuân lai láng trong lòng mình.</p>	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</p> <p>Đảm bảo cấu trúc ba phần: Mở - Thân - Kết.</p>	0,25 điểm
	<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết văn bản nghị luận về thơ <i>Xuân không mùa</i> của Xuân Diệu.</p>	0,25 điểm
	<p>c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:</p> <p>Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.</p> <p>- Nêu luận đề: những cảm xúc, rung động, suy tư của chính nhà thơ.</p> <p>Thân bài:</p> <p>- Giới thiệu ngắn gọn về tứ thơ, mạch cảm xúc chủ đạo của bài thơ.</p> <p>- Cảm xúc, suy tư của nhà thơ về mùa xuân.</p> <p>- Suy tư của tác giả về cuộc đời, quan điểm sống...</p> <p>Lưu ý: Các luận điểm làm sáng tỏ luận đề gồm câu chứa luận điểm + lí lẽ + dẫn chứng.</p> <p>Kết bài:</p> <p>Cảm nhận, nhận thức của cá nhân về những cảm xúc, rung động, suy tư của chủ thể trữ tình.</p>	3,0 điểm

	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng.	

ĐỀ 4
ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026-2027
MÔN: NGỮ 11
Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

BÌNH MINH GỌI LẠI NHỮNG BÌNH MINH

Sergei Yesenin

Bình minh đang gọi ra bình minh khác
 Trên cánh đồng lúa mạch bốc khói sương...
 Tôi nhớ về người tôi thương mến nhất
 Nhớ mẹ hiền già lão, yêu thương.

*

Như ngày trước mẹ đi ra đòi nhỏ
 Nắm chặt trong tay cây gậy của mình
 Mẹ nhìn vào đôi dày trắng đã cũ
 Đang bơi trên dòng sông ngủ mơ màng.

*

Và cay đắng trong lòng, con biết mẹ
 Với một nỗi lo và một nỗi buồn
 Rằng giờ đây thằng con trai của mẹ
 Đã không còn nhớ gì đến quê hương.

*

Rồi sau đó mẹ đi ra nghĩa địa
 Mẹ nhìn vào hòn đá xám chằm chằm
 Mẹ trút ra hơi thở dài nhẹ nhẹ
 Mẹ tiếc thương những anh, chị em con.

*

Mặc chúng con trưởng thành trong cay đắng
 Còn các em đã lớn tựa mùa xuân
 Dù sao mẹ đôi mắt hiền, sống động
 Đừng để cho dâng ngập nỗi đau buồn.

*

Quá đủ rồi! Khổ đau đã lắm!
 Giờ đến lúc mẹ thấy một điều rằng
 Cả cây táo cũng vô cùng đau đớn
 Khi phải trút đi những chiếc lá vàng.

*

Bởi một điều niềm vui là hiếm lắm
 Như tiếng ngân vang buổi sớm mùa xuân
 Đối với con nếu trên cành rữa xuống
 Thì cháy thành tro trong gió còn hơn.

(Bản dịch của Nguyễn Viết Thắng)

Câu 1. Nhân vật trữ tình của văn bản *Bình minh gọi lại những bình minh* là người như thế nào?

- A. Là người yêu thiên nhiên, mùa xuân
- B. Là người băn khoăn đi tìm lẽ sống
- C. Là người yêu mẹ và nhạy cảm

D. Là người khao khát những bình minh

Câu 2. Dòng nào nói lên tứ thơ của văn bản *Bình minh gọi lại những bình minh*?

- A. Mẹ trong kí ức – Mẹ vất vả, yêu thương lo lắng về con – quan điểm nhân sinh của thi sĩ.
- B. Bình minh, đồng lúa mạch gọi nhớ mẹ – Mẹ vất vả, yêu thương – quan điểm nhân sinh.
- C. Nhớ người thương mến – nhớ mẹ vất vả, yêu thương – Mẹ hãy hưởng niềm vui ở đời.
- D. Nhớ mẹ vất vả, yêu thương – Mẹ hãy tận hưởng niềm vui hiếm hoi ở đời.

Câu 3. Xác định biểu tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa, gọi liên tưởng trong các ô chữ sau.

- A. Mẹ
- B. Cánh đồng lúa mạch
- C. Những chiếc lá
- D. Bình minh, mùa xuân

Câu 4. Nỗi lo lắng, niềm thương vô bờ trong lòng mẹ gắn với:

- A. Cánh đồng lúa mạch
- B. Buổi bình minh
- C. Nghĩa trang
- D. Những đứa con

Câu 5. Câu thơ nào diễn tả chuyển động tinh vi của tạo vật và có thể gọi liên tưởng đa chiều trong lòng người đọc?

- A. Bình minh đang gọi bình minh khác/ Trên cánh đồng lúa mạch bốc khói sương...
- B. Quá đủ rồi! Khô đầu đã lấm/ Giờ đến lúc mẹ thấy một điều rằng
- C. Như tiếng ngân vang buổi sớm mùa xuân
- D. Cả cây táo cũng vô cùng đau đớn/ Khi phải trút đi những chiếc lá vàng

Câu 6. Chủ thể trữ tình muốn nói điều gì, thể hiện tình cảm gì với mẹ mình trong khổ thơ sau?

“Mặc chúng con trưởng thành trong cay đắng
Còn các em đã lớn tựa mùa xuân
Dù sao mẹ đôi mắt hiền, sống động
Đừng để cho dâng ngập nỗi đau buồn”

- A. Chúng con tự trải nghiệm và trưởng thành; không bộc lộ cảm xúc.
- B. Chúng con đã trưởng thành đầy hy vọng; biết ơn mẹ, yêu thương mẹ hiền.
- C. Mẹ hãy để chúng con tự trưởng thành nhé; tình cảm yêu thương triu mến.
- D. Chúng con đã trải qua cay đắng; mẹ hãy an lòng nhé.

Câu 7. Dòng nào nói lên một nỗi lo và một nỗi buồn trong lòng mẹ?

- A. Buồn vì con chưa trưởng thành; lo vì mất mùa.
- B. Buồn vì những đứa con đã khuất; biết ơn mẹ, yêu thương mẹ hiền.
- C. Lo vì đứa con trai không về quê; buồn vì con trai chưa trưởng thành.
- D. Buồn vì đôi giày trắng đã cũ; lo vì đời dâng ngập nỗi buồn đau.

Câu 8. Tác giả thể hiện điều gì trong 2 dòng thơ “Cả cây táo cũng vô cùng đau đớn/ Khi phải trút đi những chiếc lá vàng”?

- A. Quy luật của cuộc đời: đau đớn bởi sinh li, tử biệt.
- B. Vật vô tri cũng phải trải qua nỗi đau li biệt.
- C. Ai cũng phải đối diện với nỗi đau biệt li.
- D. Đừng buồn quá bởi những điều đã thành quy luật.

Câu 9 (1,0 điểm) Phân tích nhận thức về quy luật cuộc đời và nhân sinh quan của thi sĩ thể hiện ở hai khổ thơ cuối.

Câu 10 (1,0 điểm) Cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của chủ thể trữ tình trong bài thơ. Hãy cho biết nét đẹp tâm hồn nào tác động sâu sắc tới cảm xúc của em?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Vận dụng kiến thức về thơ đã được học từ THCS, lớp 10 và lớp 11, em hãy viết văn bản nghị luận về tác phẩm *Bình minh gọi lại những bình minh*.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	C. Là người yêu mẹ và nhạy cảm	0,5 điểm
Câu 2	B. Bình minh, đồng lúa mạch gọi nhớ mẹ – Mẹ vất vả, yêu thương –	0,5 điểm

	quan điểm nhân sinh.	
Câu 3	D. Bình minh, mùa xuân	0,5 điểm
Câu 4	D. Những đứa con	0,5 điểm
Câu 5	D. Cả cây táo cũng vô cùng đau đớn/ Khi phải trút đi những chiếc lá vàng	0,5 điểm
Câu 6	C. Mẹ hãy để chúng con tự trưởng thành nhé; tình cảm yêu thương triu mến.	0,5 điểm
Câu 7	B. Buồn vì những đứa con đã khuất; biết ơn mẹ, yêu thương mẹ hiền.	0,5 điểm
Câu 8	A. Quy luật của cuộc đời: đau đớn bởi sinh li, tử biệt.	0,5 điểm
Câu 9	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức về quy luật cuộc đời + Quá đủ rồi! Khô đau đã lắm! Giờ đến lúc mẹ thấy một điều rằng → Khô đau là một trải nghiệm cần trải qua, cần vượt qua. Đừng chìm đắm mãi trong khô đau. Ai cũng cần phải nhận thức được quy luật nghiệt ngã của cuộc đời. + Cả cây táo cũng vô cùng đau đớn Khi phải trút đi những chiếc lá vàng → Sinh li, tử biệt là quy luật của cuộc đời, con người vạn vật đều phải trải qua nỗi đau đớn vô cùng ấy. - Nhân sinh quan: + Trân trọng niềm vui: Niềm vui là tiếng gọi của mùa xuân, của sự sống. + Cuộc sống, sự sống cần có ý nghĩa, giá trị. 	1,0 điểm
Câu 10	<ul style="list-style-type: none"> - Là người con yêu thương mẹ, mong mẹ đừng sống trong buồn đau. - Là người con thấu hiểu nỗi lòng của mẹ. - Là người nhạy cảm, thấu hiểu quy luật cuộc đời. - Là người có nhân sinh quan sống đẹp. 	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Đảm bảo cấu trúc ba phần: Mở - Thân - Kết.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết văn bản nghị luận về thơ <i>Bình minh gọi lại những bình minh</i> của Sergei Yesenin.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: Mở bài: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu luận đề: những cảm xúc, rung động, suy tư của chính nhà thơ. Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu ngắn gọn về tứ thơ, mạch cảm xúc chủ đạo của bài thơ. - Cảm xúc, suy tư của nhà thơ về mẹ. - Suy tư của tác giả về cuộc đời, quan điểm sống... Lưu ý: Các luận điểm làm sáng tỏ luận đề gồm câu chứa luận điểm + lí lẽ + dẫn chứng. Kết bài:	3,0 điểm

	Cảm nhận, nhận thức của cá nhân về những cảm xúc, rung động, suy tư của chủ thể trữ tình.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng.	

ĐỀ 5

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026-2027
MÔN: NGỮ 11

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

TÌNH YÊU – DÒNG SÔNG

Vũ Quần Phương

Có bao giờ sông chảy thẳng đầu em
 Sông lượn khúc lượn dòng mà đến biển
 Bờ bãi loi thôi xóm làng ẩn hiện
 Đồi sông như đồi người trên sông
 Đồi anh quen với lũ với đông
 Với gió chạy cát bay, đá ngầm vục xoáy
 Thuyền êm lướt khi sào va dưới đáy
 Anh thuộc từng lòng lạch mỗi dòng trôi
 Đá thượng nguồn và cát vụn ngoài khơi
 Sông dạy anh cái cứng mềm của nước
 Sông còn trẻ là khi sông lấp thác
 Suốt đêm ngày mặt sóng cứ sôi lên
 Con sông già có mặt nước trôi êm
 Đáy sông phẳng nên sông thường thích ngủ
 Anh muốn đi với dòng sông trẻ
 Khúc sông nào cũng gọi nhớ về em
 Em có về với bãi cá, bãi chim
 Nơi cá đẻ, nơi chim trời đến ở
 Mát dưa hấu, thơm dưa hồng, dưa bở
 Nơi tay người mang màu đất phù sa
 Em có về nơi đông lũ đi qua
 Nơi sông đẻ ra bờ xôi, bãi mật
 Sóng nuôi bãi sức trăm đời, dư dật
 Bãi nuôi người, người quần quýt bên sông
 Em yêu anh có yêu được như sông
 Sông chẳng theo ai, tự chảy nên dòng
 Sông nhớ biển lao ghềnh vượt thác
 Mang suối nguồn đi đến suốt mệnh mông
 Đã yêu sông anh chẳng ngại sâu nông
 Em có theo anh lên núi về đồng
 Hạt muối mặn lên ngàn, bè tre xuôi về bến
 Em có cùng lũ lụt với mưa đông
 Đồi sông trôi như đồi người trên sông
 Anh tin bến, tin bờ, tin sức mình đến bể
 Tin ánh sáng trên cột buồm, ngọn lửa
 Tin mái chèo cày trên sóng cần lao
 Anh tin em khi đứng mũi chịu sào

Anh chẳng sợ mọi đá ngầm sóng cả
 Anh yêu sông, yêu tự nguồn đến bể
 Gió về rồi, nào ta kéo buồm lên

(NXB Văn học, 1988)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên là:

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 2. Văn bản *Tình yêu – Dòng sông* được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ bảy chữ
- B. Thơ tự do
- C. Thơ lục bát
- D. Thơ tám chữ

Câu 3. Dòng nào nói lên đề tài của văn bản *Tình yêu – Dòng sông*?

- A. Quê hương
- B. Gia đình
- C. Dòng sông
- D. Tình yêu

Câu 4. Xác định hình ảnh biểu tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa, gợi liên tưởng trong văn bản.

- A. Dòng sông
- B. Mái chèo
- C. Bè tre
- D. Bến bờ

Câu 5. Những biện pháp tu từ nào được tác giả sử dụng trong đoạn thơ sau?

*“Đời sông trôi như đời người trên sông
 Anh tin bến, tin bờ, tin sức mình đến bể
 Tin ánh sáng trên cột buồm, ngọn lửa
 Tin mái chèo cày trên sóng cần lao”*

- A. So sánh, ẩn dụ, điệp từ
- B. So sánh, liệt kê, điệp từ
- C. Nhân hóa, liệt kê, điệp từ
- D. Ẩn dụ, nhân hóa, liệt kê

Câu 6. Nhân vật trữ tình của văn bản *Tình yêu – Dòng sông* là người như thế nào?

- A. Là người yêu đời, yêu cuộc sống
- B. Là người yêu thiên nhiên, yêu quê hương
- C. Là người trăn trở về cuộc sống và hết lòng với tình yêu
- D. Là người đang tìm định nghĩa về tình yêu

Câu 7. Dòng nào nêu đúng nội dung câu thơ *“Đời sông như đời người trên sông”*

- A. Đời sông trôi như đời người mệnh mang
- B. Đời người yên ả, êm đềm như dòng sông trôi
- C. Đời người gắn liền với dòng sông
- D. Đời người muốn thoát khỏi cuộc sống sông nước

Câu 8. Tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau là:

*“Anh chẳng sợ mọi đá ngầm sóng cả
 Anh yêu sông, yêu tự nguồn đến bể
 Gió về rồi nào ta kéo buồm lên”.*

- A. Làm nổi bật tình yêu tha thiết của nhân vật trữ tình với dòng sông; làm tăng sức biểu đạt cho đoạn thơ.
- B. Làm nổi bật tình cảm tha thiết, gắn bó của nhân vật trữ tình với người con gái; làm tăng sức biểu đạt cho đoạn thơ.
- C. Làm nổi bật và gợi cảm tình cảm và tâm tư của nhân vật trữ tình trên hành trình đi tìm kiếm tình yêu của mình; làm tăng sức biểu đạt cho đoạn thơ.
- D. Làm nổi bật hình ảnh nhân vật trữ tình với tình yêu quê hương sâu nặng, tha thiết; làm tăng sức biểu đạt cho đoạn thơ.

Câu 9 (1,0 điểm) Trong bài thơ, tác giả đã bày tỏ niềm băn khoăn: *“Em yêu anh có yêu được như sông”*. Vậy nhà thơ đã nêu ra điểm tương đồng nào giữa dòng sông và tình yêu?

Câu 10 (1,0 điểm) Thông điệp tình yêu nào trong văn bản có ý nghĩa nhất với anh/ chị?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Anh/ chị hãy viết văn bản nghị luận về bài thơ *Tình yêu – Dòng sông* của nhà thơ Vũ Quần Phương.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	C. Biểu cảm	0,5 điểm
Câu 2	B. Thơ tự do	0,5 điểm
Câu 3	D. Tình yêu	0,5 điểm
Câu 4	A. Dòng sông	0,5 điểm
Câu 5	B. So sánh, liệt kê, điệp từ	0,5 điểm
Câu 6	C. Là người trần trở về cuộc sống và hết lòng với tình yêu	0,5 điểm
Câu 7	A. Đời sông trôi như đời người mệnh mang	0,5 điểm
Câu 8	C. Làm nổi bật và gợi cảm tình cảm và tâm tư của nhân vật trữ tình trên hành trình đi tìm kiếm tình yêu của mình; làm tăng sức biểu đạt cho đoạn thơ.	0,5 điểm
Câu 9	Điểm tương đồng giữa dòng sông và tình yêu: - Sông nhớ biển lao ghềnh vượt thác: trong tình yêu hai người luôn mang nỗi nhớ cồn cào, da diết. - Sông lượn khúc, lượn dòng mà tới biển; Đã yêu sông anh chẳng ngại sâu nông: trong tình yêu cả hai người phải trải qua nhiều thử thách khó khăn. - Sông nhớ biển, lao ghềnh vượt thác/ Suối nguồn đi suốt mệnh mông: tình yêu mạnh mẽ, nồng nhiệt và cần sự hi sinh - Sông chẳng theo ai tự chảy nên dòng: bản lĩnh, ý chí vượt qua mọi khó khăn trong tình yêu.	1,0 điểm
Câu 10	Học sinh trình bày thông điệp theo quan điểm cá nhân, nhưng cần phải bám sát vào nội dung hai câu thơ cuối. <i>Gợi ý:</i> - Trong tình yêu cần có sự lạc quan, niềm tin. - Tình yêu cần sự chân thành, chung thủy.	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Đảm bảo cấu trúc ba phần: Mở - Thân - Kết.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết văn bản nghị luận về thơ <i>Tình yêu – Dòng sông</i> của Vũ Quần Phương.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: Mở bài: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu luận đề: những cảm xúc, suy tư của chính nhà thơ. Thân bài:	3,0 điểm

	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu ngắn gọn về tứ thơ, mạch cảm xúc chủ đạo của bài thơ. - Cảm xúc, suy tư của nhà thơ về tình yêu qua hình tượng dòng sông. - Suy tư của tác giả về cuộc đời, quan điểm sống... Lưu ý: Các luận điểm làm sáng tỏ luận đề gồm câu chứa luận điểm + lí lẽ + dẫn chứng. Kết bài: Cảm nhận, nhận thức của cá nhân về những cảm xúc, rung động, suy tư của chủ thể trữ tình.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

ĐỀ 1
ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026-2027
MÔN: NGỮ 11
Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

HS đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi kế tiếp

CHI PHÍ CHÌM CỦA HẠNH PHÚC

Mark Manson

Nếu từng học môn gì liên quan đến kinh tế, chắc bạn biết câu nói “There’s no such thing as a free lunch” (tạm dịch: “Không có bữa trưa nào miễn phí cả”). Mọi thứ trên đời đều có giá của nó, dù đôi lúc nó không hiện hữu một cách rõ rệt. Để đạt được một mục tiêu, bạn phải từ bỏ một điều gì khác. Trong thời đại xã hội ám ảnh với hạnh phúc cá nhân, chúng ta muốn theo đuổi điều ngược lại. Chúng ta muốn hạnh phúc mà không mất gì cả. Chúng ta muốn phần thưởng mà không có rủi ro, muốn có thành tựu mà không cần cố gắng. Trớ trêu thay, chính việc không sẵn lòng chịu khổ lại khiến chúng ta đau khổ nhiều hơn. [...]

Chấp nhận những điều chưa hoàn hảo của mình

Nhiều người xem “hoàn hảo” là một danh sách bao gồm: có nhà, có xe, dựng vợ/gả chồng và có 2-3 đứa con. Khi “tích” đủ các yếu tố này, bạn có thể sống hạnh phúc đến già.

Tuy nhiên cuộc sống không đơn giản như vậy. Những vấn đề bạn gặp phải không biến mất - chúng thay đổi và trở nên phức tạp hơn. Sự hoàn hảo bạn đạt được ngày hôm nay có thể trở nên vô nghĩa vào những ngày sau. Vì vậy, khi hiểu được rằng cuộc sống là sự tiến bộ hơn qua từng ngày thay vì đạt đến sự hoàn hảo, bạn có thể thoải mái hưởng thụ nó.

Sự hoàn hảo là một lý tưởng mà bạn chỉ có thể tiếp cận chứ không bao giờ đạt tới. Dù ý niệm của bạn về “hoàn hảo” có là gì đi chăng nữa, nó cũng không bao giờ tồn tại trên thực tế. Bạn không thể quyết định sự hoàn hảo, mà chỉ biết cái gì là tốt hơn hay tệ hơn so với hiện tại (mà cuối cùng chưa chắc bạn đã đúng).

Khi từ bỏ việc theo đuổi sự hoàn hảo, bạn giảm bớt sự căng thẳng và khó chịu khi không đạt được các chuẩn mực vô hình mà người khác đề ra. Nhưng việc đó không hề dễ dàng, bởi nó khiến bạn phải sống với những điều mình không thích. Bạn muốn giành quyền kiểm soát mọi việc. Và trong một thế giới lý tưởng, mọi mong muốn của bạn đều được đáp ứng.

Nhưng đời là như vậy - nó không bao giờ đi đúng theo con đường bạn vạch ra. Chúng ta đều sẽ sai về một thứ gì đó, theo một cách nào đó. Trớ trêu thay, việc chấp nhận sự thật này mới khiến bạn hạnh phúc và bao dung hơn với những khuyết điểm của mình lẫn người khác. Đó mới là bài học chúng ta nên rút ra trong đời [...].

Gán ý nghĩa sâu sắc hơn cho những việc bạn làm

Câu này có một cách biểu đạt khác là, hãy chọn những gì tạo động lực cho bạn. Thử nhìn lại những giá trị bạn đang theo đuổi, xem động lực phía sau chúng là gì. Nó hời hợt và bề mặt, hay nó sâu sắc hơn và đến từ bên trong?

Một ví dụ phổ biến là tiền bạc. Nếu bạn làm mọi thứ chỉ vì tiền, bạn sẽ có cảm xúc bất ổn và những hành vi hời hợt không đáng có. Nhưng nếu động lực kiếm tiền của bạn là để mang lại cuộc sống tốt hơn cho gia đình, thì mọi việc sẽ khác. Nó sẽ dẫn lối giúp bạn vượt qua căng thẳng, nỗi sợ và những điều phức tạp khác mà một động lực hời hợt không thể làm được.

Sự công nhận của người khác cũng là ví dụ tương tự. Nếu bạn làm mọi việc chỉ để được ai khác chấp thuận, thì sớm hay muộn bạn cũng sẽ đánh mất chính mình. Nhưng trong trường hợp bạn là họa sĩ, bạn sẽ muốn các tác phẩm của mình truyền cảm hứng cho mọi người. Động lực của bạn vẫn đến từ người khác, nhưng nó sâu sắc hơn và giúp bạn vượt qua khó khăn để kiên trì với sự nghiệp của mình.

Vậy làm sao để tìm thấy những mục đích sâu sắc trong cuộc sống? Câu trả lời là tập trung vào sự phát triển và đóng góp của bạn. Bạn phát triển khi tìm được cách cải thiện bản thân, và đóng góp khi tìm được cách giúp người khác phát triển. Cố gắng tích hợp hai điều này trong động lực của bạn.

Tinh dục, tiền bạc hay giải trí đều không có gì sai cả. Nhưng chúng cần được thúc đẩy bởi những gì sâu sắc hơn giá trị bề mặt của mình. Thử tìm cách tích hợp sự phát triển và đóng góp vào những hạng mục này, bạn sẽ “bắn một mũi tên trúng cả 2 đích”.

Đừng ngại thất bại và cảm giác xấu hổ

Khi bạn sống và hành động đúng với giá trị bản thân, bạn sẽ không tránh khỏi xung đột với những người có hệ giá trị khác bạn. Họ sẽ không thích bạn, thậm chí bình phẩm khó nghe và mong bạn thất bại. Và bạn gần như không thể tránh khỏi họ trong bất cứ điều gì bạn làm [...]. Trong mọi hoàn cảnh, thất bại là cần thiết để tiến bộ. Và mọi sự tiến bộ dù là của bản thân, của người khác hay của những giá trị bạn theo đuổi - đều thúc đẩy hạnh phúc. Không có thất bại, bạn sẽ không thể học hỏi và tiến bộ, nên cũng không thể tìm thấy hạnh phúc.

Vì vậy, bạn nên học cách “đắm mình” trong nỗi đau. Bởi bạn sẽ bị đời vùi dập nhiều lần, và bạn không thể tránh khỏi nó. Quan trọng là bạn biết cách đứng lên sau mỗi lần vấp ngã.

Câu 1. Văn bản trên thuộc kiểu văn bản nào? Vì sao?

A. Văn bản nghị luận xã hội vì người viết dùng lí lẽ, dẫn chứng, lập luận nhằm thể hiện quan điểm trước một vấn đề của đời sống: “Chi phí chìm của hạnh phúc”.

B. Văn bản nghị luận xã hội vì người viết thuyết phục người nghe thay đổi quan điểm trước một vấn đề của đời sống: “Chi phí chìm của hạnh phúc”.

C. Văn bản nghị luận văn học vì người viết dùng lí lẽ, dẫn chứng, lập luận nhằm làm sáng tỏ vấn đề: “Chi phí chìm của hạnh phúc”.

D. Văn bản nghị luận văn học vì người viết dùng lập luận nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một ý kiến, một quan điểm trước một vấn đề của văn học.

Câu 2. Luận đề của văn bản trên được thể hiện rõ ở đâu?

A. Các luận điểm

B. Đoạn đầu văn bản

C. Cuối văn bản

D. Nhan đề

Câu 3. Văn bản Chi phí chìm của hạnh phúc được triển khai theo mô hình nào?

A. Luận đề - luận điểm 1 - luận điểm 2 - luận điểm 3

B. Luận điểm 1 - luận điểm 2 - luận điểm 3 - luận đề

C. Luận đề - kể chuyện bàn luận - luận điểm 1 - luận điểm 2

D. Kể chuyện bàn luận - luận đề - luận điểm 1 - luận điểm 2

Câu 4. Có thể đảo trật tự các luận điểm ở văn bản *Chi phí chìm của hạnh phúc* không? Vì sao?

A. Có thể đảo trật tự vì các luận điểm đó không tuân theo logic nhất định.

B. Có thể đảo trật tự vì chúng sắp xếp theo tầm quan trọng từ cao xuống thấp.

C. Không thể đảo được trật tự vì các luận điểm đó tuân theo logic nhất định.

D. Không thể đảo trật tự vì các luận điểm có mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.

Câu 5. Vì sao theo tác giả: thất bại cũng là cách để tìm thấy hạnh phúc?

A. Vì lúc đó con người được sống và hành động với giá trị bản thân.

B. Vì thất bại là cần thiết để tiến bộ, mọi sự tiến bộ đều thúc đẩy hạnh phúc.

C. Vì con người được đắm mình trong nỗi đau.

D. Vì con người không thể hoàn hảo trong mọi hoàn cảnh.

Câu 6. Dòng nào nói lên vai trò của luận điểm số 3 với mục đích toàn văn bản?

A. Giúp người đọc biết thế nào là chi phí chìm

B. Giúp người đọc biết được thế nào là hạnh phúc

C. Làm rõ một “công thức” để hạnh phúc là đừng ngại khi gặp thất bại

D. Làm rõ một cách để hạnh phúc là biết chấp nhận những điều không hoàn hảo.

Câu 7. Dòng nào không nói lên mục đích của việc “chấp nhận những điều không hoàn hảo của mình”?

A. Giúp giảm bớt sự căng thẳng

B. Giảm bớt khó chịu khi không đạt được các chuẩn mực mà người khác đề ra

- C. Cảm thấy hạnh phúc và bao dung hơn với những khuyết điểm của mình
D. Giúp ta biết cách đứng lên sau mỗi lần vấp ngã, từ đó tìm thấy hạnh phúc

Câu 8. Dòng nào nói lên mục đích của văn bản *Chi phí chìm của hạnh phúc*?

- A. Thuyết phục người đọc các bước để tìm ra “công thức” của hạnh phúc bởi hạnh phúc có giá riêng của nó, không hề “miễn phí”.
B. Thuyết phục người đọc: chấp nhận những điều chưa hoàn hảo về mình.
C. Thuyết phục người đọc: nên gán những ý nghĩa sâu sắc hơn cho việc mình làm.
D. Thuyết phục người đọc: đừng ngại sự thất bại và cảm giác xấu hổ.

Câu 9 (1,0 điểm) Em đồng ý với nhận định của tác giả: “Không có thất bại, bạn sẽ không thể học hỏi và tiến bộ, nên cũng không thể tìm thấy hạnh phúc” không? Vì sao?

Câu 10 (1,0 điểm) Trong các yếu tố để đạt được hạnh phúc như tác giả đã đưa ra, em tâm đắc nhất với yếu tố nào? Em rút ra kinh nghiệm nào cho bản thân để có một tâm hồn luôn cảm thấy hạnh phúc?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Em hãy viết một văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện ngắn em đã đọc hoặc đã học.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	A. Văn bản nghị luận xã hội vì người viết dùng lí lẽ, dẫn chứng, lập luận nhằm thể hiện quan điểm trước một vấn đề của đời sống: “Chi phí chìm của hạnh phúc”.	0,5 điểm
Câu 2	D. Nhan đề	0,5 điểm
Câu 3	A. Luận đề - luận điểm 1 - luận điểm 2 - luận điểm 3	0,5 điểm
Câu 4	A. Có thể đảo trật tự vì các luận điểm đó không tuân theo logic nhất định.	0,5 điểm
Câu 5	B. Vì thất bại là cần thiết để tiến bộ, mọi sự tiến bộ đều thúc đẩy hạnh phúc.	0,5 điểm
Câu 6	C. Làm rõ một “công thức” để hạnh phúc là đừng ngại khi gặp thất bại	0,5 điểm
Câu 7	D. Giúp ta biết cách đứng lên sau mỗi lần vấp ngã, từ đó tìm thấy hạnh phúc	0,5 điểm
Câu 8	A. Thuyết phục người đọc các bước để tìm ra “công thức” của hạnh phúc bởi hạnh phúc có giá riêng của nó, không hề “miễn phí”.	0,5 điểm
Câu 9	- HS có thể đồng tình, không đồng tình hoặc nửa đồng tình, nửa không đồng tình miễn sao đưa ra lí do giải thích hợp lý, thuyết phục. - Có thể tham khảo gợi ý sau đây: Đồng tình với ý kiến tác giả. + Trong cuộc sống, bên cạnh những thành công đã đạt được, con người có thể gặp những thất bại. + Thất bại không có nghĩa là mất tất cả; qua mỗi thất bại con sẽ học được nhiều bài học để tiến bộ hơn mỗi ngày. Đó cũng là cách để con người tìm thấy hạnh phúc. + Có thể nêu ra các dẫn chứng để làm thuyết phục hơn ý kiến của bản thân.	1,0 điểm
Câu 10	- HS có thể chọn 1 trong 3 yếu tố sau mà tác giả đã đưa ra trong bài khiến mình tâm đắc nhất: 1) Chấp nhận những điều chưa hoàn hảo của mình; 2) Gán ý nghĩa sâu sắc hơn cho những việc bạn làm; 3) Đừng ngại thất bại và cảm giác xấu hổ. - Sau khi lựa chọn xong, cần đưa ra lí do giải thích vì sao yếu tố đó lại khiến mình tâm đắc nhất và rút ra những kinh nghiệm cho bản thân. Để việc giải thích được thuyết phục cần lưu ý: 1) Dùng lí lẽ, lập luận và dẫn chứng; 2) Nói rõ sự tác động sâu sắc tới nhận thức và cảm xúc của bản thân.	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Đảm bảo cấu trúc ba phần: Mở - Thân - Kết.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện ngắn đã được học, được đọc.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: Mở bài: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu luận đề, vai trò của luận đề với tác phẩm. Thân bài: - Tóm tắt tác phẩm (ngắn gọn) - Hệ thống luận điểm làm sáng tỏ luận đề + Luận điểm 1 (lí lẽ + dẫn chứng) + Luận điểm 2 (lí lẽ + dẫn chứng) Lưu ý: HS có thể chọn một vấn đề cụ thể có thể nghị luận về toàn tác phẩm (gồm: nội dung, nghệ thuật, thông điệp,...) Kết bài: Tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và đánh giá của cá nhân về con người, cuộc sống.	3,0 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng.	

ĐỀ 7

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026-2027
MÔN: NGỮ 11

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

HS đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi kế tiếp

KẾT NỐI ẢO

Jeanne Segal

Được thúc đẩy bởi tốc độ Internet gia tăng và sự phát triển nhanh chóng của mạng xã hội, nhiều người trong số chúng ta “online” mỗi ngày để “kết nối” với người khác, cập nhật thông tin và giải trí. Chúng ta không chỉ giành vài phút mà hơn hàng giờ đồng hồ mỗi ngày và từng ngày trước các loại màn hình cả lớn lẫn bé.

Công nghệ vốn kỳ diệu và cuộc sống chúng ta chắc chắn tiện nghi hơn nhờ có nó. Các thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại thông minh và máy tính xách tay có thể tạo ra các mối quan hệ ảo có tính ổn định với gia đình, người bạn yêu mến, đồng nghiệp và những người mới quen ở những nơi xa xôi của một thị trấn, các thành phố xa xăm và các đất nước xa thật xa. Đồng thời, điều bình thường là gặp hai người ngồi cùng bàn, im lặng tag nhau lên bức ảnh được đăng tải trên mạng xã hội thay vì trò chuyện “thực” và tận hưởng khoảnh khắc chỉ của hai người bạn với nhau. Và khi bạn nhìn thấy tình cảnh như thế, khó để không băn khoăn rằng liệu có phải tất cả những kết nối ảo thế này đang bị lạm dụng hay không.

Bằng cách kết nối quá sâu sắc nhưng ảo hàng giờ đồng hồ mỗi ngày, phải chăng chúng ta đang quên mất cách để kết nối với nhau ngoài đời thật? Có phải máy tính bảng và điện thoại khiến cuộc sống của chúng ta tốt đẹp hơn hay vắt kiệt sức lực của ta và làm ta thêm căng thẳng? Liệu truyền thông xã hội thay thế sự giao tiếp

không lời, cảm tính mà ta cần để tạo nên những kết nối có ý nghĩa với nhau? Có phải những kết nối ảo đang ảnh hưởng tới khả năng giao tiếp giữa người với người theo những cách cho phép chúng ta cảm thấy được yêu và khiến người khác cảm thấy được yêu? [...]

Khi online, những đặc tính mang đậm bản sắc cá nhân do năm giác quan tạo nên bị mất đi, đồng thời cũng mất đi những cơ hội quan trọng cho giao tiếp không lời. Ở trạng thái offline trong đời thực, mắt, tai, da, mũi và lưỡi bạn có thể kết hợp theo cách đáng kinh ngạc. Một nhóm giác quan tạo điều kiện cho các mối quan hệ cực kỳ giàu cảm xúc và ý nghĩa.

Chúng ta cần những kinh nghiệm ngoài đời thực, san sẻ để gắn kết với giá trị của tình bạn. Chúng ta có thể nghe thấy sự thay đổi trong giọng nói của ai đó vẫn trân trọng và quan tâm trò chuyện với ta. Chúng ta cần nhìn thấy cảm tình trong ánh mắt và trên gương mặt của họ. Chúng ta cần cảm nhận cánh tay bạn bè đặt lên vai hay choàng qua ta khi ta thấy lạnh lẽo và buồn chán. Chúng ta cần thấy được bạn bè ta cùng khóc cùng cười với ta. Những trải nghiệm không lời, thu hút ấy khiến ta thấy bản thân có giá trị. Và những điều này không thể xảy ra khi online.

Chúng ta có thể gặp gỡ và trò chuyện online, nhưng thật nguy hiểm khi đưa ra các quyết định quan trọng về các mối quan hệ của chúng ta trong một thế giới ảo. Chúng ta cần phát hiện cảm giác ở bên nhau thế nào trong sự đa dạng của các thiết lập định sẵn. Chúng ta cũng cần nắm bắt được những ám hiệu nói cho ta biết bạn chúng ta cảm thấy sao khi ở bên ta lúc ta không có tâm trạng tốt nhất, hay khi họ ở trạng thái không ổn nhất. Quá trình thấu hiểu nhau mà bạn muốn thực hiện tốn khá thời gian đấy và những loại trải nghiệm này không hề sẵn có khi online. Những mối quan hệ khiến ta cảm thấy được yêu có thể bắt đầu trước một cái màn hình nhưng chỉ duy trì bền vững khi offline mà thôi.

(Jeanne Segal (2018). *Cảm giác được yêu*. NXB Hà Nội, tr. 109 – 130)

Câu 1. Văn bản trên thuộc kiểu văn bản nào? Vì sao?

- A. Văn bản nghị luận văn học vì người viết dùng lí lẽ, dẫn chứng, lập luận nhằm làm sáng tỏ quan điểm của người viết về kết nối ảo.
- B. Văn bản nghị luận xã hội vì người viết dùng dẫn chứng nhằm xác lập cho người đọc, người nghe quan điểm của người viết về kết nối ảo.
- C. Văn bản nghị luận xã hội vì người viết dùng lí lẽ, dẫn chứng, lập luận nhằm xác lập cho người đọc, người nghe quan điểm của người viết về kết nối ảo.
- D. Văn bản nghị luận văn học vì người viết dùng lập luận nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một ý kiến, một quan điểm.

Câu 2. Dòng nào sau đây không nói lên các luận điểm được triển khai ở văn bản *Kết nối ảo*?

- A. Và khi bạn nhìn thấy tình cảnh như thế, khó để không băn khoăn rằng liệu có phải tất cả những kết nối ảo thế này đang bị lạm dụng hay không.
- B. Bằng cách kết nối quá sâu sắc nhưng ảo hàng giờ đồng hồ mỗi ngày, phải chăng chúng ta đang quên mất cách để kết nối với nhau ngoài đời thật?
- C. Khi online, những đặc tính mang đậm bản sắc cá nhân do năm giác quan tạo nên bị mất đi, đồng thời cũng mất đi cơ hội quan trọng cho giao tiếp không lời.
- D. Chúng ta cần phát hiện cảm giác ở bên nhau thế nào trong sự đa dạng của các thiết lập định sẵn.

Câu 3. Có thể đảo trật tự các luận điểm ở văn bản *Kết nối ảo* không? Vì sao?

- A. Có thể đảo trật tự vì các luận điểm đó không tuân theo logic nhất định
- B. Có thể đảo trật tự vì chúng sắp xếp theo tầm quan trọng từ cao đến thấp
- C. Không thể đảo trật tự được vì các luận điểm đó tuân theo logic nhất định
- D. Không đảo trật tự vì các luận điểm có mối quan hệ nguyên nhân – kết quả

Câu 4. Câu “*Chúng ta cần nhìn thấy cảm tình trong ánh mắt và trên gương mặt của họ. Chúng ta cần cảm nhận cánh tay bạn bè đặt lên vai hay choàng qua ta khi ta thấy lạnh lẽo và buồn chán.*” thuộc yếu tố nào? Nhằm mục đích gì?

- A. Là lí lẽ, nhằm làm sáng tỏ luận điểm “Chúng ta cần những kinh nghiệm ngoài đời thực, san sẻ để gắn kết với giá trị của tình bạn”
- B. Là lí lẽ, nhằm khẳng định “Khi online, những đặc tính mang đậm bản sắc cá nhân do năm giác quan tạo nên bị mất đi”
- C. Là câu chứa luận điểm của văn bản
- D. Là dẫn chứng gián tiếp để làm sáng tỏ luận đề “kết nối ảo có thể khiến chúng ta quên mất cách kết nối với nhau ngoài đời thực”

Câu 5. Vì sao tác giả cho rằng “*Chúng ta có thể gặp gỡ và trò chuyện online, nhưng thật nguy hiểm khi đưa ra các quyết định quan trọng về các mối quan hệ của chúng ta trong một thế giới ảo*”?

- A. Vì kết nối online không cho ta trải nghiệm những giao tiếp không lời

- B. Vì kết nối online dễ xảy ra sự cố về công nghệ
 C. Vì kết nối online khiến ta khó khăn trong việc tìm hiểu đối phương
 D. Vì kết nối online chưa có nhiều tính năng trong việc trò chuyện

Câu 6. Những câu hỏi tu từ trong đoạn in nghiêng “*Bằng cách kết nối quá sâu sắc...*” đến “*... khiến người khác cảm thấy được yêu?*” có tác dụng gì?

- A. Thể hiện nỗi lo ngại trước hiện trạng con người lạm dụng các kết nối ảo.
 B. Làm tăng giá trị biểu đạt, khơi gợi những ngẫm suy nơi người đọc.
 C. Tạo nhạc tính cho đoạn văn, gây sự tò mò cho người đọc.
 D. Cả A và B đều đúng

Câu 7. Dòng nào nói lên mục đích viết của văn bản *Kết nối ảo*?

- A. Thuyết phục người đọc tin rằng: kết nối ảo có những hạn chế và những mối quan hệ chỉ bền vững khi có trải nghiệm ngoài đời thực
 B. Thuyết phục người đọc tin rằng: kết nối ảo có những mặt lợi – hại nhất định và cần thận trọng khi sử dụng kết nối ảo
 C. Thuyết phục người đọc tin rằng: kết nối ảo có nguy hại đối với các mối quan hệ ngoài đời thực
 D. Thuyết phục người đọc tin rằng: các mối quan hệ ngoài đời thực có thể bắt đầu từ các kết nối ảo

Câu 8. Dòng nào nhận định phù hợp nhất về thái độ của người viết trong văn bản *Kết nối ảo*?

- A. Thái độ dứt khoát, mạnh mẽ trong việc thể hiện lập trường của người viết
 B. Thái độ nhún nhường trong việc đưa ra những lời khuyên
 C. Thái độ chân thành, tôn trọng người đọc khi thể hiện quan điểm
 D. Thái độ quyết liệt trong việc lên án cá biểu hiện sai trái

Câu 9 (1,0 điểm) Tác giả dùng yếu tố nào hỗ trợ cho lập luận của mình trong đoạn sau? Mục đích của đoạn là gì?

“Đồng thời, điều bình thường là gặp hai người ngồi cùng bàn, im lặng tag nhau lên bức ảnh được đăng tải trên mạng xã hội thay vì trò chuyện “thực” và tận hưởng khoảnh khắc chỉ của hai người bạn với nhau”.

Câu 10 (1,0 điểm) Em có đồng tình với nhận định của tác giả: “các kết nối ảo” khiến “chúng ta đang quên mất cách kết nối với nhau ngoài đời thật” không? Vì sao?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Em hãy viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện ngắn mà mình đã được đọc, được học.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	C. Văn bản nghị luận xã hội vì người viết dùng lí lẽ, dẫn chứng, lập luận nhằm xác lập cho người đọc, người nghe quan điểm của người viết về kết nối ảo.	0,5 điểm
Câu 2	D. Chúng ta cần phát hiện cảm giác ở bên nhau thế nào trong sự đa dạng của các thiết lập định sẵn.	0,5 điểm
Câu 3	C. Không thể đảo trật tự được vì các luận điểm đó tuân theo logic nhất định	0,5 điểm
Câu 4	A. Là lí lẽ, nhằm làm sáng tỏ luận điểm “Chúng ta cần những kinh nghiệm ngoài đời thực, san sẻ để gắn kết với giá trị của tình bạn”	0,5 điểm
Câu 5	A. Vì kết nối online không cho ta trải nghiệm những giao tiếp không lời	0,5 điểm
Câu 6	D. Cả A và B đều đúng	0,5 điểm
Câu 7	A. Thuyết phục người đọc tin rằng: kết nối ảo có những hạn chế và những mối quan hệ chỉ bền vững khi có trải nghiệm ngoài đời thực	0,5 điểm
Câu 8	C. Thái độ chân thành, tôn trọng người đọc khi thể hiện quan điểm	0,5 điểm
Câu 9	- Tác giả dùng yếu tố tự sự kết hợp miêu tả (hai người ngồi cùng bàn, im lặng tag nhau lên bức ảnh) hỗ trợ cho lập luận của mình. - Mục đích: Khẳng định thế giới ảo chỉ phôi dờ sống thực, con người sử dụng thiết bị công nghệ và bị chúng cuốn hút mọi lúc, mọi nơi.	1,0 điểm
Câu 10	Vấn đề mà tác giả đặt ra trong đoạn ngữ liệu: Chúng ta cần những kinh	1,0 điểm

	<p>nghiệm ngoài đời thực, san sẻ để gắn kết với giá trị của tình bạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có thể đưa ra quan điểm đồng tình, không đồng tình hoặc nửa đồng tình, nửa không đồng tình miễn sao đưa ra lí do giải thích hợp lý, thuyết phục. - Để đưa ra lí do thuyết phục, HS cần biết cách trả lời từ nhận thức của bản thân, biết dùng những lí lẽ, lập luận, dẫn chứng. Có thể tham khảo các ý sau: <ul style="list-style-type: none"> + Những kinh nghiệm ngoài đời thực cho ta những trải nghiệm thực tế về cảm xúc và sự thấu hiểu. Đó là yếu tố cơ bản để kiến tạo giá trị tình bạn. + Trong những hoàn cảnh khó khăn, những kết nối ngoài đời thực có thể tạo nên sức mạnh gắn kết mạnh mẽ, chữa lành những nỗi đau,... - Có thể nêu ra các dẫn chứng để làm thuyết phục hơn ý kiến của bản thân. 	
--	--	--

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Đảm bảo cấu trúc ba phần: Mở - Thân - Kết.</p>	0,25 điểm
	<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện ngắn đã được học, được đọc.</p>	0,25 điểm
	<p>c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: Mở bài: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu luận đề, vai trò của luận đề với tác phẩm. Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt tác phẩm (ngắn gọn) - Hệ thống luận điểm làm sáng tỏ luận đề + Luận điểm 1 (lí lẽ + dẫn chứng) + Luận điểm 2 (lí lẽ + dẫn chứng) Lưu ý: HS có thể chọn một vấn đề cụ thể có thể nghị luận về toàn tác phẩm (gồm: nội dung, nghệ thuật, thông điệp,...) Kết bài: Tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và đánh giá của cá nhân về con người, cuộc sống. </p>	3,0 điểm
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25 điểm
	<p>e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.</p>	0,25 điểm
	<p>Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.</p>	

ĐỀ 8

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026-2027
MÔN: NGỮ 11

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

(1) Bài thơ *Mời trầu* đi vào lòng người như một câu chuyện tâm tình. Là một bài tứ tuyệt (bốn câu ba vắn) rất hay và rất mẫu mực về cấu trúc, về niêm luật và vần điệu, có thể so sánh với bất cứ bài thơ luật Đường đặc sắc nào bằng chữ Hán. Thế mà đọc thơ chúng ta không có cảm tưởng đó là một thể thơ nhập nội, bởi lẽ “Bà chúa thơ Nôm” Hồ Xuân Hương đã Việt hóa đến kì tài về cả hai mặt nội dung diễn đạt và hình thức biểu hiện.

(2) Câu chuyện chẳng có gì cao siêu mà hết sức thông thường gắn với phong tục tập quán về giao tiếp của người Việt : tục mời trầu “*Miếng trầu là đầu câu chuyện*”. Dù khách quen hay khách lạ, khách thường hay khách sang, chủ nhân bao giờ cũng có coi trầu đãi khách. Đã thành tục lệ truyền thống lâu đời thì từ lá trầu, quả cau cho đến cách bô cau, tằm trầu cũng khá nhiều khế ! Có trầu quế, trầu hồi cũng có trầu cay, trầu hôi; có cách tâm bình thường cũng có cách tâm cánh phượng. Có cau tươi, cau khô, cau già, cau non, cau quả to, cau quả nhỏ, cau tiền chũm lòng đào... Miếng trầu phần nào nói lên sự ứng xử đa dạng của con người “Cau non tiền chũm lòng đào, trầu tằm cánh phượng” thường dùng để đãi khách quý.

(3) Xuân Hương cũng đãi khách bằng “*mời trầu*” nhưng có khác người thường

*Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi,
Này của Xuân Hương đã quệt rồi.*

Coi trầu Xuân Hương đãi khách - chắc chắn là khách quý, có thể là người tình đã ít nhiều qua lại, gần bó - xem ra đơn bạc quá sao ? (Cau nhỏ, trầu hôi). Không, đừng vội lầm tưởng Xuân Hương đãi bôi, không trọng thị khách quen, vì quen quá hóa nhờn! Cả hai câu toát lên ý nghĩa về cách ứng xử khiêm tốn mà rất chân tình. “*Này của Xuân Hương*” lời chan chứa cái chân tình hồn hậu vốn có, không chút khoa trương, khách khí. Tất cả những gì thuộc về Xuân Hương đều không tô vẽ hoa lá mà mộc mạc chân chất như thế đó. Cách nói khiêm tốn này vốn là lối ứng xử tế nhị của nhân dân. Ta đã chẳng thấy cô thôn nữ đáng yêu cũng đã từng tự khiêm như vậy sao? “*Thân em như hạt mưa sa ; thân em như quả mít trên cây...*”. Càng nói khiêm càng chứng tỏ phẩm chất đáng quý của chính bản thân mình.

Tự khiêm khác với tự ti, không năn nỉ cầu xin sự ban ơn nào cả! Xuân Hương tự khiêm vì nàng ý thức được phẩm giá của chính mình.

*Có phải duyên nhau thì thăm lại,
Đừng xanh như lá bạc như vôi!*

Chính do có ý thức sâu sắc về mình như thế, Xuân Hương đã không dè dặt ngần ngại giải bày mình bạch thái độ của mình trước một chuyện hệ trọng chuyện nhân duyên. Có phải duyên nghĩa là nếu đúng là duyên số, duyên ư phận đẹp như cách nói văn hoa trong Truyện Kiều: “*Rằng : trong tác hợp cơ trời*”, “*thì thăm lại*” tức là duyên đậm thắm gần bó sắt son, nên đôi nên lứa hay nói như dân gian “*Có thương thì thương cho chắc; Bằng trạc trạc thì trạc trạc cho luôn...*” (Dân ca Nghệ Tĩnh). Phải có bản lĩnh cao mới sòng phẳng đặt vấn đề như vậy. Nó sẽ là cái “*kính chiếu yêu*” để soi thấu cái quan hệ nhập nhằng “*già nhân ngãi non vợ chồng*”, cái tâm địa “*tiếc rẻ*” của đấng mày râu nào đó. Và một khi đường ranh giới đã được phân định trắng và đen không có khả năng nhập nhèm lẫn lộn thì lời răn vừa nhắc nhủ vừa phê phán “*Đừng xanh như lá, bạc như vôi*” hẳn là hoàn toàn thích đáng.

Cái “*màu xanh như lá*”, không phải là màu xanh của thương nhớ như “*Ngàn dâu xanh ngắt một màu*” (Chinh phụ ngâm khúc) và màu trắng là màu vôi tôi bạc thếp. Chỉ có màu mà không có hương sắc. Nhặt nhẽ quá! Liệu còn chút gì là tình nghĩa, là hi vọng?

Bài *Mời trầu* chưa đưa nữ sĩ vào thế giới của tuyệt vọng - hẳn là nhà thơ hãy còn rất trẻ - Nhưng vẫn ngân lại trong lòng người đọc một nỗi buồn lai láng. Cuộc đời sao lại phủ phàng đến thế!

(4) Chỉ là một tục lệ “*mời trầu*” phổ thông nhưng với lời thơ bình dị có âm vang, với cấu tứ độc đáo và gợi cảm, bài tứ tuyệt đạo lên một khúc nhạc đầu về số phận không mấy suôn sẻ của người phụ nữ và về bản lĩnh của họ trong cuộc sống. Đó là tài thơ cũng là phong cách của nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

(Giảng văn vần học Việt Nam - Nhiều tác giả. NXB GD 1999)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại/ tiểu loại nào?

- A. Văn bản thơ, viết về tục mời trầu
- B. Văn bản nghị luận xã hội, bàn về các cách mời trầu
- C. Văn bản nghị luận văn học, đánh giá giá trị tác phẩm thơ
- D. Văn bản thông tin, thuyết minh về cách mời trầu

Câu 2. Nhan đề văn bản *Mời trầu của Hồ Xuân Hương* cung cấp cho người đọc thông tin nào?

- A. Nội dung bàn luận của văn bản
- B. Đối tượng, phạm vi bàn luận của văn bản
- C. Phương pháp luận bàn của văn bản

D. Cấu trúc, hình thức của văn bản

Câu 3. Dòng nào không thuộc nội dung các luận điểm văn bản *Mời trầu của Hồ Xuân Hương*?

A. Đặc sắc về thể loại

B. Nội dung gắn với phong tục tập quán về giao tiếp của người Việt

C. Xuân Hương đãi khách bằng “mời trầu” khác người thường

D. Nhân vật Xuân Hương xưng danh, xuất hiện từ đầu đến cuối câu chuyện, chủ động trong cuộc thoại

Câu 4. Luận điểm nào đóng vai trò quan trọng nhất trong văn bản *Mời trầu của Hồ Xuân Hương*?

A. Đặc sắc về thể loại

B. Nội dung gắn với phong tục tập quán về giao tiếp của người Việt

C. Xuân Hương đãi khách bằng *Mời trầu* khác người thường

D. Chỉ là một tục lệ *Mời trầu* phổ thông nhưng với lời thơ bình dị có âm vang

Câu 5. Dòng nào nói lên bằng chứng tiêu biểu độc đáo của luận điểm 2?

A. Dẫn chứng trực tiếp

B. Dùng dẫn chứng gián tiếp từ sự hiểu biết về phong tục giao tiếp của người Việt Nam

C. Dùng dẫn chứng từ thực tiễn đời sống

D. Dùng dẫn chứng văn học truyền thống

Câu 6. Câu “*Nhưng vẫn ngân lại trong lòng người đọc một nỗi buồn lai láng*” làm sáng tỏ luận điểm nào?

A. Đặc sắc về thể loại

B. Nội dung gắn với phong tục tập quán về giao tiếp của người Việt

C. Xuân Hương đãi khách bằng *Mời trầu* khác người thường

D. Chỉ là một tục lệ *Mời trầu* phổ thông nhưng với lời thơ bình dị có âm vang

Câu 7. Văn bản *Mời trầu của Hồ Xuân Hương* bàn về khía cạnh nào của tác phẩm?

A. Hình thức, thể loại của tác phẩm

B. Giá trị nội dung của tác phẩm

C. Mạch cảm xúc độc đáo của tác phẩm

D. Hình ảnh thơ tượng trưng độc đáo của tác phẩm

Câu 8. Dòng nào nói lên mục đích chính của văn bản *Mời trầu của Hồ Xuân Hương*?

A. Bài Mời trầu đi vào lòng người như một câu chuyện tâm tình

B. Nội dung gắn với phong tục tập quán về giao tiếp của người Việt

C. Mời trầu: cách ứng xử khiêm tốn mà rất chân tình; nói đến nhân duyên; lời nhắc nhở phê phán; gợi nỗi buồn...

D. Chỉ là một tục lệ “mời trầu” phổ thông nhưng với lời thơ bình dị có âm vang

Câu 9 (1,0 điểm) Xác định ý nghĩa của văn bản, thái độ và tình cảm của người viết dành cho nhà thơ Hồ Xuân Hương.

Câu 10 (1,0 điểm) Em có đồng ý với nhận định: Câu thơ “*Đường xanh như lá, bạc như vôi*” đã phân định trắng và đen không có khả năng nhập nhèm lẫn lộn vừa là lời răn vừa nhắc nhở như phê phán không?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ em đã được học, được đọc.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	C. Văn bản nghị luận văn học, đánh giá giá trị tác phẩm thơ	0,5 điểm
Câu 2	B. Đối tượng, phạm vi bàn luận của văn bản	0,5 điểm
Câu 3	D. Nhân vật Xuân Hương xưng danh, xuất hiện từ đầu đến cuối câu chuyện, chủ động trong cuộc thoại	0,5 điểm
Câu 4	C. Xuân Hương đãi khách bằng <i>Mời trầu</i> khác người thường	0,5 điểm
Câu 5	B. Dùng dẫn chứng gián tiếp từ sự hiểu biết về phong tục giao tiếp của người Việt Nam	0,5 điểm
Câu 6	C. Xuân Hương đãi khách bằng <i>Mời trầu</i> khác người thường	0,5 điểm
Câu 7	C. Mạch cảm xúc độc đáo của tác phẩm	0,5 điểm

Câu 8	A. Bài Mời trầu đi vào lòng người như một câu chuyện tâm tình	0,5 điểm
Câu 9	- Ý nghĩa: Khẳng định giá trị bài thơ <i>Mời trầu</i> từ góc nhìn riêng. Trong lời mời trầu tưởng như bình thường nhưng chứa đựng những ý nghĩa nhân văn, khẳng định tài năng, bản lĩnh nhà thơ. - Tình cảm của người viết dành cho nhà thơ Hồ Xuân Hương: Trân trọng tài năng, bản lĩnh của nhà thơ.	1,0 điểm
Câu 10	- HS tự trả lời theo quan điểm cá nhân. - Gợi ý: Làm rõ 2 lí do (chú ý: tính thuyết phục của lí lẽ, dẫn chứng mà tác giả đã phân tích ở cuối luận điểm 3).	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Đảm bảo cấu trúc ba phần: Mở - Thân - Kết.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ đã được đọc, được học.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: Mở bài: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu luận đề: những cảm xúc, suy tư của chính nhà thơ. Thân bài: - Giới thiệu ngắn gọn về tứ thơ, mạch cảm xúc chủ đạo của bài thơ. - Cảm xúc, suy tư của nhà thơ về hình tượng thơ. - Suy tư của tác giả về cuộc đời, quan điểm sống... Lưu ý: Các luận điểm làm sáng tỏ luận đề gồm câu chứa luận điểm + lí lẽ + dẫn chứng. Kết bài: Cảm nhận, nhận thức của cá nhân về những cảm xúc, rung động, suy tư của chủ thể trữ tình.	3,0 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	

ĐỀ 9

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026-2027
MÔN: NGỮ 11

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

THƯƠNG VỢ - BÀI THƠ TRỮ TÌNH.
TRÀO PHÚNG ĐẠM SẮC DÂN GIAN CỦA TÚ XƯƠNG

Nguyễn Quốc Túy

Thương vợ (Trần Tế Xương)

*Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên, hai nợ, âu đành phận,
Năm nắng, mười mưa, dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:
Có chồng hờ hững cũng như không!*

[...]

Tình cảm thương vợ của Tú Xương trước hết được biểu hiện ở câu thơ đầu tức là ở hai câu đề qua việc nhà thơ tạo dựng hình ảnh một bà vợ buôn bán, tần tảo nuôi chồng nuôi con.

*Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.*

Hai câu mở đầu của bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật thường là hai câu vào đề, thế mà hai câu đề của bài thơ này lại mang sắc thái của hai câu “thực”: cho bạn đọc thấy nỗi vất vả, khó nhọc của người vợ. Về thời gian nỗi vất vả đó là “*quanh năm*”, nghĩa là ngày nào, tháng nào cũng như vậy. Về không gian đó là địa điểm buôn bán: nơi mom sông. Bà Tú không có cửa hàng cửa hiệu, nơi phố phường sầm uất, bà Tú cũng không có nốt một cái lều, một gian hàng buôn bán ổn định ở cửa chợ, đình chợ. Bà buôn bán ở nơi có thể đất chênh vênh, hiểm trở.

Cũng ở ngay hai câu thơ đầu, nhà thơ đã nói được một cách cụ thể về công lao to lớn của bà Tú:

Nuôi đủ năm con với một chồng

Chúng ta chú ý các từ ngữ: nuôi đủ, năm, một. Như vậy là bà Tú đã nuôi đủ sáu người. Chúng ta thấy thấp thoáng nụ cười trào lộng hay đúng hơn là nụ cười tự trào của nhà thơ qua cách tính đếm của ông: Năm con với một chồng. Chồng cũng như con phải để vợ nuôi.

Ta biết Tú Xương là nho sĩ, là học trò chữ nho thời xưa đi thi và hồng mãi, cuối cùng mới đậu được tú tài.

Nụ cười tự trào của Tú Xương, cách đánh giá mình sống nhờ vợ như lũ con: “*Năm con với một chồng*” có cái gì rất gần gũi với câu ca dân gian “*Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm*”. Biết đánh giá đúng thực trạng kém cỏi của mình, biết công lao vợ phải nuôi mình và cả năm đứa con, đó là nét đẹp của nhân cách Tú Xương được biểu hiện qua nụ cười tự trào của ông.

Đây là hai câu “thực” đã khắc họa thành công hình ảnh bà Tú vất vả ở chi tiết nghệ thuật hình ảnh “*lặn lội thân cò*”:

*Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.*

Nó gợi ta nhớ đến câu ca dao:

*Con cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non*

Rồi các câu: “*Con cò mà đi ăn đêm*”, “*cò dò bắt tép*”... Cả câu thơ “*Lặn lội thân cò khi quãng vắng*” làm hiện lên trong trí tưởng tượng của ta là hình ảnh một bà Tú lặn lội đêm hôm buôn bán vất vả để nuôi con, nuôi chồng giống như biểu tượng hình ảnh những con cò trong thơ cơ dân gian. Biểu tượng đó còn sâu đậm thêm khi ta đọc tiếp câu thơ “*Eo sèo mặt nước buổi đò đông*”, hình ảnh bà Tú “*lặn lội*” gắn với “*quãng vắng*”, gắn với “*mặt nước*” cũng giống như hình ảnh con cò trong thơ ca dân gian gắn với “*ăn đêm*”, “*cò dò bắt tép*”, “*lặn lội bờ sông*”. Tóm lại, ở hai câu thơ này, Tú Xương đã sử dụng một số “tín hiệu nghệ thuật” thơ để nói về nỗi vất vả, khó nhọc của người phụ nữ nông thôn trước đây.

Chính nhờ những phương tiện biểu hiện nghệ thuật của văn học dân gian nên ở một phương diện và mức độ nào đó, hình ảnh bà Tú ở hai câu thơ này cũng mang ý nghĩa tượng trưng cho người phụ nữ Việt Nam tần tảo, đảm đang.

Đây là hai câu “luận”, “bàn” về nỗi vất vả khó nhọc, đức tính chịu đựng của bà Tú. Nó cũng là lời thơ biểu hiện tâm trạng của bà Tú: chịu đựng, không phàn nàn, oán trách, kêu ca.

*Một duyên, hai nợ, âu đành phận,
Năm nắng, mười mưa, dám quản công.*

Bài thơ không phải là lời “tự bạch” của bản thân bà Tú mà là lời kể, lời tả bà Tú của Tú Xương. Nhưng tác giả Tú Xương sau khi tả, dựng lại hình ảnh của vợ đã chửi ai vậy? Nhà thơ chửi “*thói đời ăn ở bạc*”, “*có chồng hờ hững cũng như không*”, nghĩa là nhà thơ chửi thói đời vì cái thói đời ấy mà bà Tú có chồng cũng như không, chồng chẳng giúp được gì thậm chí bà còn phải nuôi chồng. Cái thói đời ấy là cái tập tục ngày xưa: vợ phải nuôi chồng ăn học. Cái thói đời ấy đã đưa lại cho bà Tú một ông chồng vô tích sự mà phải nuôi.

Hóa ra Tú Xương tự chửi mình là vô tích sự. Ở đây, một lần nữa ta lại thấy thấp thoáng nụ cười tự trào của Tú Xương và thấy nhân cách cao đẹp của Tú Xương.

Bài thơ *Thương vợ* là một bài thơ trữ tình – trữ tình trào phúng – một phong cách nghệ thuật độc đáo mang đậm sắc thái dân gian.

(*Giảng văn văn học Việt Nam – Nhiều tác giả. NXB Giáo Dục 1999*)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại/ tiểu loại nào? Chỉ ra dấu hiệu nhận biết.

- A. Văn bản thơ, viết về người vợ
- B. Văn bản nghị luận xã hội, bàn về lòng biết ơn với vợ
- C. Văn bản nghị luận văn học, đánh giá giá trị tác phẩm thơ
- D. Văn bản kí, ghi lại cuộc đời người vợ

Câu 2. Nhan đề văn bản *Thương vợ - Bài thơ trữ tình, trào phúng đậm sắc dân gian của Tú Xương* cung cấp cho người đọc thông tin nào?

- A. Khẳng định *Thương vợ* là bài thơ trữ tình, trào phúng đậm sắc dân gian
- B. Đối tượng, phạm vi, nội dung luận bàn của văn bản
- C. Bàn về giá trị đặc sắc của bài thơ *Thương vợ*
- D. Chủ đề của văn bản: trữ tình, trào phúng đậm sắc dân gian

Câu 3. Dòng nào nói lên cách triển khai nội dung các luận điểm của văn bản?

- A. Các luận điểm tương ứng với cấu trúc bài thơ Đường luật
- B. Mỗi luận điểm bàn về một khía cạnh của luận đề
- C. Hai luận điểm bàn về chất trữ tình; hai luận điểm bàn về chất dân gian
- D. Hai luận điểm bàn về chất trào phúng; hai luận điểm bàn về chất dân gian

Câu 4. Dòng nào không nói lên “chất” trữ tình ở 2 câu đề của bài thơ *Thương vợ*?

- A. Thấy nổi vất vả, khó nhọc của người vợ
- B. Nói được một cách cụ thể về công lao to lớn của bà Tú
- C. Tạo dựng hình ảnh một bà vợ buôn bán, tần tảo nuôi chồng nuôi con
- D. Hai câu đề của bài thơ này lại mang sắc thái của hai câu “thực”

Câu 5. Dẫn chứng trong văn bản được sử dụng theo cách nào?

- A. Dùng dẫn chứng trực tiếp
- B. Dùng dẫn chứng gián tiếp
- C. Dùng dẫn chứng từ văn học dân gian
- D. Dùng dẫn chứng từ thực tiễn

Câu 6. Luận điểm 2 (bàn về 2 câu thực của bài thơ) có vai trò như thế nào đối với luận đề của văn bản?

- A. Làm sáng tỏ hình ảnh bà Tú vất vả lam lũ
- B. Làm sáng tỏ sắc thái dân gian qua hình ảnh bà Tú
- C. Làm sáng tỏ bà Tú giống con cò trong thơ ca dân gian
- D. Làm sáng tỏ chất trữ tình - thương vợ của ông Tú

Câu 7. Dòng nào nói lên vai trò của luận điểm 4 đối với luận đề?

- A. Là rõ sự thấp thoáng nụ cười tự trào của Tú Xương
- B. Làm rõ con người vô tích sự - sản phẩm của thói đời xưa
- C. Làm rõ nội dung trào phúng đậm sắc dân gian ở *Thương vợ - Tú Xương*
- D. Làm rõ vì cái thói đời ấy mà bà Tú có chồng cũng như không

Câu 8. Dòng nào nói lên mục đích của văn bản?

- A. *Thương vợ* là bài thơ đậm sắc dân gian
- B. *Thương vợ* là bài thơ thấp thoáng nụ cười tự trào của Tú Xương
- C. *Thương vợ* là bài thơ trữ tình, trào phúng đậm sắc dân gian
- D. *Thương vợ* là nụ cười tự trào của Tú Xương

Câu 9 (1,0 điểm) Xác định một số yếu tố miêu tả, cách sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản *Thương vợ - Bài thơ trữ tình, trào phúng đậm sắc dân gian của Tú Xương*.

Câu 10 (1,0 điểm) Em đồng ý với nhận định: Bài thơ *Thương vợ* là một bài thơ trữ tình – trữ tình trào phúng – một phong cách nghệ thuật độc đáo mang đậm sắc thái dân gian không? Vì sao?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Thương vợ - Trần Tế Xương*.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	C. Văn bản nghị luận văn học, đánh giá giá trị tác phẩm thơ	0,5 điểm
Câu 2	B. Đối tượng, phạm vi, nội dung luận bàn của văn bản	0,5 điểm
Câu 3	A. Các luận điểm tương ứng với cấu trúc bài thơ Đường luật	0,5 điểm
Câu 4	D. Hai câu đề của bài thơ này lại mang sắc thái của hai câu “thực”	0,5 điểm
Câu 5	C. Dùng dẫn chứng từ văn học dân gian	0,5 điểm
Câu 6	B. Làm sáng tỏ sắc thái dân gian qua hình ảnh bà Tú	0,5 điểm
Câu 7	C. Làm rõ nội dung trào phúng đậm sắc dân gian ở Thương vợ - Tú Xương	0,5 điểm
Câu 8	C. <i>Thương vợ</i> là bài thơ trữ tình, trào phúng đậm sắc dân gian	0,5 điểm
Câu 9	<p>- Yếu tố miêu tả:</p> <p>+ Câu thơ “Lặn lội thân cò khi quãng vắng” làm hiện lên trong tâm trí tưởng tượng của ta hình ảnh một bà Tú lặn lội đêm hôm buồn bán vắt và đề nuôi con, nuôi chồng giống như biểu tượng hình ảnh những con cò trong thơ ca dân gian.</p> <p>+ Hình ảnh bà Tú “lặn lội” gắn với “quãng vắng”, gắn với “mặt nước” giống như hình ảnh con cò trong thơ ca dân gian gắn với “ăn đêm”, “cò dò bắt tép”, “lặn lội bờ sông”.</p> <p>- Cách sử dụng: yếu tố miêu tả kết hợp với thao tác phân tích, so sánh đối chiếu với hình ảnh con cò trong ca dao.</p> <p>- Tác dụng: để minh chứng Tú Xương đã sử dụng một số “tín hiệu nghệ thuật” thơ để nói về nỗi vất vả, khó nhọc của người phụ nữ nông thôn trước đây.</p>	1,0 điểm
Câu 10	<p>- HS tự trả lời theo quan điểm cá nhân.</p> <p>- Gợi ý: Làm rõ 2 lí do (chú ý: tính thuyết phục của lí lẽ, dẫn chứng ở từng luận điểm).</p>	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</p> <p>Đảm bảo cấu trúc ba phần: Mở - Thân - Kết.</p>	0,25 điểm
	<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết văn bản nghị luận phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ <i>Thương vợ</i> - Trần Tế Xương .</p>	0,25 điểm
	<p>c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:</p> <p>Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu giá trị nổi bật của tác phẩm. <p>Thân bài:</p> <p>Gồm 3 luận điểm chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận điểm 1: Giới thiệu chung về tác phẩm (chủ đề, thể loại) - Luận điểm 2: Giá trị nội dung (thương vợ, thấu hiểu nỗi vất vả của vợ; đánh giá bản thân). 	3,0 điểm

	- Luận điểm 3: Giá trị nghệ thuật (đặc sắc thể loại, hình ảnh, ngôn ngữ thơ... âm sắc dân gian). Lưu ý: Vận dụng kiến thức từ văn bản đã đọc vào bài viết. Tránh sao chép. Kết bài: - Khái quát giá trị tác phẩm. - Tác động của tác phẩm tới cảm xúc nhận thức cá nhân.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng.	

ĐỀ 11

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026-2027
MÔN: NGỮ 11

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

ĐẤT NƯỚC

Nguyễn Đình Thi

Sáng mát trong như sáng năm xưa
 Gió thổi mùa thu hương cốm mới
 Tôi nhớ những ngày thu đã xa
 Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
 Những phố dài xao xác hơi may
 Người ra đi đầu không ngoảnh lại
 Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

Mùa thu nay khác rồi
 Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
 Gió thổi rừng tre phấp phới
 Trời thu thay áo mới
 Trong biếc nói cười thiết tha!
 Trời xanh đây là của chúng ta
 Núi rừng đây là của chúng ta
 Những cánh đồng thơm mát
 Những ngả đường bát ngát
 Những dòng sông đỏ nặng phù sa

Nước chúng ta
 Nước những người chưa bao giờ khuất
 Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
 Những buổi ngày xưa vọng nói về!
 Ôi những cánh đồng quê chảy máu
 Dây thép gai đâm nát trời chiều
 Những đêm dài hành quân nung nấu
 Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu.
 Từ những năm đau thương chiến đấu
 Đã ngời lên nét mặt quê hương
 Từ gốc lúa bờ tre hồn hậu
 Đã bật lên những tiếng căm hờn

Bát cơm chan đầy nước mắt
 Bay còn giăng khỏi miệng ta

Thằng giặc Tây, thằng chúa đất
Đứa đề cổ, đứa lột da...

Xiềng xích chúng bay không khoá được
Trời đầy chim và đất đầy hoa
Súng đạn chúng bay không bắn được
Lòng dân ta yêu nước thương nhà!

Khói nhà máy cuộn trong sương núi
Kèn gọi quân vắng vắng cánh đồng
Ôm đất nước những người áo vải
Đã đứng lên thành những anh hùng.

Ngày nắng đốt theo đêm mưa dội
Mỗi bước đường mỗi bước hy sinh
Trán cháy rực nghĩ trời đất mới
Lòng ta bát ngát ánh bình minh.

Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng loà.

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên là?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 2. Địa danh nào sau đây được nhắc đến trong bài thơ *Đất nước*?

- A. Hà Nội
- B. Huế
- C. Sài Gòn
- D. Nha Trang

Câu 3. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong hai câu thơ “Ôi những cánh đồng quê chảy máu/ Dây thép gai đâm nát trời chiều”?

- A. So sánh
- B. Nhân hóa
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 4. Bài thơ *Đất nước* thể hiện những cảm nhận của Nguyễn Đình Thi về điều gì?

- A. Về đẹp mùa thu Hà Nội những ngày đầu kháng chiến chống Pháp
- B. Về đẹp mùa thu Việt Bắc trong hiện tại miền Bắc giành được độc lập
- C. Đất nước Việt Nam hiền hòa, đau thương nhưng quật khởi, hào hùng trong kháng chiến
- D. Tội ác tày trời của kẻ thù và sức vùng dậy quật khởi của nhân dân ta

Câu 5. Bức tranh mùa thu trong hoài niệm được tác giả tái hiện như thế nào?

- A. Bức tranh mùa thu chân thực, thi vị, mang đậm đặc trưng của mùa thu Hà Nội nhưng thoáng buồn.
- B. Cảnh sắc thu đẹp nhưng tĩnh lặng, vắng bóng người, vắng cả âm thanh. Cảnh vật bình dị, dân dã, khung cảnh ấy thường hiển hiện mỗi độ thu về trên những làng quê, đi vào tâm thức con người.
- C. Không gian thu tĩnh lặng như sự tĩnh lặng trong tâm hồn nhà thơ
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 6. Câu thơ nào dưới đây thể hiện hình ảnh người ra đi buồn bã, lưu luyến nhưng cũng đầy cương quyết?

- A. Sáng mát trong như sáng năm xưa/ Gió thổi mùa thu hương cốm mới.
- B. Tôi nhớ những ngày thu đã xa
- C. Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội/ Những phố dài xao xác hơi may
- D. Người ra đi đầu không ngoảnh lại/ Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy

Câu 7. Dòng nào sau đây không nêu lên giá trị nghệ thuật bài thơ *Đất nước*?

- A. Nhịp điệu, hình ảnh thơ sáng tạo

B. Ngôn ngữ thơ lắng đọng, cô đúc

C. Sử dụng sáng tạo, phong phú các biện pháp tu từ

D. Các chất liệu văn hóa dân gian được sử dụng nhuần nhị, sáng tạo

Câu 8. Nhận định nào sau đây chưa chính xác về bài thơ *Đất nước*?

A. Bài thơ được ghép từ hai bài thơ đó là “Sáng mát trong như sáng năm xưa” và bài thơ “Đêm mít tinh”, phần sau được nhà thơ viết vào năm 1955

B. Được đưa vào tập thơ “Người chiến sĩ”

C. Bài thơ là những chiêm nghiệm của tác giả về chiều dài lịch sử từ những năm đất nước được hình thành

D. Bài thơ là sự đúc kết những suy ngẫm và cảm xúc của tác giả về đất nước trong suốt những năm dài kháng chiến gian khổ.

Câu 9 (1,0 điểm) Đoạn thơ từ câu “*Trời xanh đây là của chúng ta*” đến câu “*Những buổi ngày xưa vọng nói về*” có sử dụng biện pháp tu từ nào. Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 10 (1,0 điểm) Trong bài *Đất nước*, nhà thơ Nguyễn Đình Thi có viết:

Nước chúng ta,

Nước những người chưa bao giờ khuất

Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất

Những buổi ngày xưa vọng nói về.

Hai dòng thơ cuối muốn nhắc nhở chúng ta điều gì?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Anh/ chị hãy viết văn bản nghị luận về bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	C. Biểu cảm	0,5 điểm
Câu 2	A. Hà Nội	0,5 điểm
Câu 3	B. Nhân hóa	0,5 điểm
Câu 4	C. Đất nước Việt Nam hiền hòa, đau thương nhưng quật khởi, hào hùng trong kháng chiến	0,5 điểm
Câu 5	D. Tất cả các đáp án trên.	0,5 điểm
Câu 6	D. Người ra đi đầu không ngoảnh lại/ Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy	0,5 điểm
Câu 7	C. Sử dụng sáng tạo, phong phú các biện pháp tu từ	0,5 điểm
Câu 8	C. Bài thơ là những chiêm nghiệm của tác giả về chiều dài lịch sử từ những năm đất nước được hình thành	0,5 điểm
Câu 9	- Đoạn thơ từ câu “ <i>Trời xanh đây là của chúng ta</i> ” đến câu “ <i>Những buổi ngày xưa vọng nói về</i> ” có sử dụng biện pháp tu từ là: Điệp ngữ - Tác dụng của biện pháp tu từ đó là: cụm từ “ <i>của chúng ta</i> ”, “ <i>chúng ta</i> ” được nhắc lại nhiều lần trong đoạn thơ nhằm khẳng định, nhấn mạnh quyền làm chủ đất nước của dân tộc ta	1,0 điểm
Câu 10	- Hai dòng thơ cuối của bài thơ trên cho ta thấy lòng tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc, những người dũng cảm, chưa bao giờ biết khuất phục, những người chưa bao giờ mất, những người suốt mãi với thời gian. Và nét đẹp văn hoá của dân tộc Việt Nam chúng ta. - Hai câu thơ như lời dạy bảo gửi gắm đến người đọc người nghe, tác giả nói lên những suy ngẫm về đất nước và dân tộc. Lời thơ vang lên như một tuyên ngôn về Tổ quốc và đáng đứng Việt Nam trong trường kì lịch sử - Hai câu thơ là lời khuyên răn, dạy bảo nhắc nhở con cháu ngẩng cao đầu đi tới để bảo vệ và xây dựng đất nước hùng cường bền vững đến muôn đời. Âm điệu thơ trầm hùng thể hiện niềm tự hào, kiêu hãnh về	1,0 điểm

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Đảm bảo cấu trúc ba phần: Mở - Thân - Kết.	0,25 điểm
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết văn bản nghị luận về văn bản Đất nước – Nguyễn Đình Thi.	0,25 điểm
	c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: Mở bài: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu giá trị nổi bật của tác phẩm. Thân bài: Gồm 3 luận điểm chính - Luận điểm 1: Giới thiệu chung về tác phẩm (chủ đề, thể loại) - Luận điểm 2: Giá trị nội dung (hình ảnh đất nước trong những năm tháng kháng chiến,...). - Luận điểm 3: Giá trị nghệ thuật (đặc sắc thể loại, hình ảnh, ngôn ngữ thơ... âm sắc dân gian). Lưu ý: Vận dụng kiến thức từ văn bản đã đọc vào bài viết. Tránh sao chép. Kết bài: - Khái quát giá trị tác phẩm. - Tác động của tác phẩm tới cảm xúc nhận thức cá nhân.	3,0 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25 điểm
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,25 điểm
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng.	